

TT	Tên xã	Năm học	Tổng số học sinh học Tiểu học	Tổng số học sinh học THCS	Tổng số học sinh học THPT	Tổng số học sinh học sơ cấp	Tổng số học sinh học trung cấp	Tổng số học sinh học cao đẳng	Tổng số học sinh học đại học
A	huyện Tuần Giáo								
1	Tuần Giáo	2010 -2011	635	604	287	5	12	45	35
2	Tuần Giáo	2011-2012	614	592	256	3	15	41	32
3	Tuần Giáo	2012-2013	712	596	262	2	17	48	39
4	Tuần Giáo	2013-2014	608	594	258	6	18	43	41
5	Tuần Giáo	2014-2015	634	583	261	3	16	47	41
6	Tuần Giáo	2015-2016	635	562	271	7	21	49	48
7	Tuần Giáo	2016-2017	628	573	284	5	17	51	37
8	Tuần Giáo	2017-2018	681	538	264	8	13	54	42
9	Tuần Giáo	2018-2019	733	546	261	6	14	48	38
10	Tuần Giáo	2019-2020	751	578	275	5	15	52	41
11	Tuần Giáo	2020-2021	772	591	279	7	16	46	39
	Tổng số		7403	6357	2958	57	174	524	433
B	Chia theo từng xã								
	Thị trấn Tuần Giáo								
1	Thị trấn	2010 -2011	635	604	287	5	12	45	35
2	Thị trấn	2011-2012	614	592	256	3	15	41	32
3	Thị trấn	2012-2013	712	596	262	2	17	48	39
4	Thị trấn	2013-2014	608	594	258	6	18	43	41
5	Thị trấn	2014-2015	634	583	261	3	16	47	41
6	Thị trấn	2015-2016	635	562	271	7	21	49	48
7	Thị trấn	2016-2017	628	573	284	5	17	51	37

8	Thị trấn	2017-2018	681	538	264	8	13	54	42
9	Thị trấn	2018-2019	733	546	261	6	14	48	38
10	Thị trấn	2019-2020	751	578	275	5	15	52	41
11	Thị trấn	2020-2021	772	591	279	7	16	46	39
	Tổng số		7403	6357	2958	57	174	524	433

ẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU HỌC SINH TẠI XÃ KHU VỰC I TỪ NĂM 2010-2021

Tổng số học sinh DTTS học Tiểu học	Tổng số học sinh DTTS học THCS	Tổng số học sinh DTTS học THPT	Tổng số học sinh DTTS học sơ cấp	Tổng số học sinh DTTS học trung cấp	Tổng số học sinh DTTS học cao đẳng	Tổng số học sinh DTTS học đại học	Tổng số HS DTTS bỏ học Tiểu học	Tổng số HS DTTS bỏ học THCS
328	307	153	4	9	18	9	0	2
334	306	132	3	12	17	12	0	0
356	376	138	2	10	16	10	0	0
317	375	143	4	12	18	13	0	0
328	368	146	2	13	19	14	0	1
325	308	148	3	14	21	12	0	0
318	306	152	2	12	20	37	0	0
351	265	143	4	8	19	42	0	0
378	254	138	5	9	15	38	0	0
389	274	146	3	11	17	41	0	0
402	279	148	4	10	19	39	0	0
3826	3418	1587	36	120	199	267	0	3
328	307	153	4	9	18	9	0	2
334	306	132	3	12	17	12	0	0
356	376	138	2	10	16	10	0	0
317	375	143	4	12	18	13	0	0
328	368	146	2	13	19	14	0	1
325	308	148	3	14	21	12	0	0
318	306	152	2	12	20	37	0	0

351	265	143	4	8	19	42	0	0
378	254	138	5	9	15	38	0	0
389	274	146	3	11	17	41	0	0
402	279	148	4	10	19	39	0	0
3826	3418	1587	36	120	199	267	0	3

Biểu số 1

Tổng số HS DTTS bỏ học THPT	Tổng số HS DTTS bỏ học sơ cấp	Tổng số HS DTTS bỏ học trung cấp	Tổng số HS DTTS bỏ học cao đẳng	Tổng số HS DTTS bỏ học đại học	Lý do bỏ học
0	0	0	0	0	
1	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
1	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
2	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
1	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
1	0	0	0	0	

0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
2	0	0	0	0	

TT	Tên xã	Năm học	Tổng số học sinh học Tiểu học	Tổng số học sinh học THCS	Tổng số học sinh học THPT	Tổng số học sinh học sơ cấp	Tổng số học sinh học trung cấp	Tổng số học sinh học cao đẳng
A	huyện Tuần Giáo							
1	Tuần Giáo	2010 -2011	2626	2008	748	34	52	43
2	Tuần Giáo	2011-2012	2653	2038	749	33	50	47
3	Tuần Giáo	2012-2013	2997	2074	761	41	56	55
4	Tuần Giáo	2013-2014	2717	1781	891	44	49	60
5	Tuần Giáo	2014-2015	984	704	290	2	11	20
6	Tuần Giáo	2015-2016	1030	702	310	8	8	18
7	Tuần Giáo	2016-2017	988	730	344	6	11	16
8	Tuần Giáo	2017-2018	0	0	0	0	0	0
9	Tuần Giáo	2018-2019	0	0	0	0	0	0
10	Tuần Giáo	2019-2020	0	0	0	0	0	0
11	Tuần Giáo	2020-2021	0	0	0	0	0	0
	Tổng số		13995	10037	4093	168	237	259
B	Chia theo từng xã							
	Xã Tủa Tình							
1								
2								
3								
4	Xã Tủa Tình	2013-2014	210	122	99	3	1	2
5	Xã Tủa Tình	2014-2015	224	122	93	2	1	3
6	Xã Tủa Tình	2015-2016	228	124	98	5	1	2
7	Xã Tủa Tình	2016-2017	225	137	104	4	2	2
8								
9			0					
10			0					
11			0					
	Tổng số		887	505	394	14	5	9
	Xã Chiềng Sinh							
1	Xã Chiềng Sinh	2010 -2011	918	647	35	6	7	10
2	Xã Chiềng Sinh	2011-2012	924	655	42	5	6	9
3	Xã Chiềng Sinh	2012-2013	976	678	50	8	5	11
4	Xã Chiềng Sinh	2013-2014	479	318	60	3	8	9
5	Xã Chiềng Sinh	2014-2015	475	324	72	0	10	14
6	Xã Chiềng Sinh	2015-2016	511	319	81	3	6	13
7	Xã Chiềng Sinh	2016-2017	494	348	90	2	8	10
8								
9								
10								
11								
	Tổng số		4777	3289	430	27	50	76
	xã Pú Nhung							
1	xã Pú Nhung	2010 -2011	285	262	126	0	0	0

2	xã Pú Nhung	2011-2012	312	281	131	0	0	0
3	xã Pú Nhung	2012-2013	285	288	122	0	0	0
4	xã Pú Nhung	2013-2014	293	261	130	0	0	1
5	xã Pú Nhung	2014-2015	285	258	125	0	0	3
6	xã Pú Nhung	2015-2016	291	259	131	0	1	3
7	xã Pú Nhung	2016-2017	269	245	150	0	1	4
8								
9								
10								
11								
	Tổng số		2020	1854	915	0	2	11
	Xã Quài Tở							
1	xã Quài Tở	2010 -2011	782	610	398	3	10	15
2	xã Quài Tở	2011-2012	769	595	384	5	12	17
3	xã Quài Tở	2012-2013	810	600	402	6	13	19
4	xã Quài Tở	2013-2014	841	585	388	9	9	20
5								
6								
7								
8								
9								
10								
11								
	Tổng số		3202	2390	1572	23	44	71
	Xã Quài Nưa							
1	Xã Quài Nưa	2010 -2011	641	489	189	25	35	18
2	Xã Quài Nưa	2011-2012	648	507	192	23	32	21
3	Xã Quài Nưa	2012-2013	926	508	187	27	38	25
4	Xã Quài Nưa	2013-2014	894	495	214	29	31	28
	Tổng số		3109	1999	782	104	136	92

ẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU HỌC SINH TẠI XÃ KHU VỰC II TỪ NĂM 2010-2021

Tổng số học sinh học đại học	Tổng số học sinh DTTS học Tiểu học	Tổng số học sinh DTTS học THCS	Tổng số học sinh DTTS học THPT	Tổng số học sinh DTTS học sơ cấp	Tổng số học sinh DTTS học trung cấp	Tổng số học sinh DTTS học cao đẳng	Tổng số học sinh DTTS học đại học	Tổng số HS DTTS bỏ học Tiểu học	Tổng số HS DTTS bỏ học THCS
13	2277	1951	724	21	33	37	6	0	56
15	2622	1992	735	26	31	36	9	0	48
15	2952	2037	742	32	33	39	10	0	66
16	2673	1729	869	32	33	44	10	0	43
8	974	692	285	2	11	16	6	0	28
9	1013	692	305	8	8	16	7	0	32
11	975	720	338	6	10	14	9	0	42
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
87	13486	9813	3998	127	159	202	57	0	315
2	210	122	99	3	1	2	2	0	0
2	224	122	93	2	1	3	2	0	0
1	228	124	98	5	1	2	1	0	2
2	225	137	104	4	1	2	2	0	3
7	887	505	394	14	4	9	7	0	5
3	895	630	30	6	7	8	2	0	34
4	921	639	38	5	6	7	2	0	18
2	962	663	44	8	5	8	2	0	32
4	464	308	55	3	8	6	3	0	12
6	468	312	67	0	10	10	4	0	7
7	497	309	76	3	6	11	5	0	7
8	481	338	84	2	8	8	6	0	17
34	4688	3199	394	27	50	58	24	0	127
0	0	262	126	0	0	0	0	0	15

0	309	281	131	0	0	0	0	0	18
0	284	288	122	0	0	0	0	0	19
0	289	261	130	0	0	1	0	0	19
0	282	258	125	0	0	3	0	0	21
1	288	259	131	0	1	3	1	0	23
1	269	245	150	0	1	4	1	0	22
2	1721	1854	915	0	2	11	2	0	137
2	765	601	388	3	9	13	2	0	3
4	760	589	379	5	11	15	3	0	7
3	802	591	398	6	10	16	2	0	9
1	834	576	380	9	8	18	1	0	8
10	3161	2357	1545	23	38	62	8	0	27
8	617	458	180	12	17	16	2	0	4
7	632	483	187	16	14	14	4	0	5
10	904	495	178	18	18	15	6	0	6
9	876	462	205	17	16	17	4	0	4
34	3029	1898	750	63	65	62	16	0	19

Biểu số 2

Tổng số HS DTTS bỏ học THPT	Tổng số HS DTTS bỏ học sơ cấp	Tổng số HS DTTS bỏ học trung cấp	Tổng số HS DTTS bỏ học cao đẳng	Tổng số HS DTTS bỏ học đại học	Lý do bỏ học
153	1	0	1	2	
136	4	2	5	0	
147	0	4	0	12	
180	3	2	3	0	
87	0	0	0	1	
91	4	3	1	0	
90	0	0	1	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0				
884	12	11	11	15	
12	0	0	1	0	
10	0	0	0	1	
13	0	1	0	0	
15	0	0	0	0	
50	0	1	1	1	
25	0	0	0	1	
27	2	1	2	0	
28	0	1	0	0	
32	0	0	1	0	
34	0	0	0	0	
36	2	1	1	0	
34	0	0	0	0	
216	4	3	4	1	
45	0	0	1	0	

49
1248

34	2	1	0	0	
41	0	0	0	1	
46	3	2	1	0	
43	0	0	0	0	
42	2	1	0	0	
41	0	0	1	0	
292	7	4	3	1	
49	0	0	0	1	
43	0	0	1	0	
47	0	1	0	0	
52	0	0	0	0	
191	0	1	1	1	
34	1	0	0	0	
32	0	0	2	0	
31	0	2	0	11	
38	0	0	0	0	
135	1	2	2	11	

BẢNG TỔN

TT	Tên xã	Năm học	Tổng số học sinh học Tiểu học	Tổng số học sinh học THCS	Tổng số học sinh học THPT	Tổng số học sinh học sơ cấp	Tổng số học sinh học trung cấp	Tổng số học sinh học cao đẳng	Tổng số học sinh học đại học
A	huyện Tuần Giáo								
1	Tuần Giáo	2010 -2011	5.351	3.473	704	12	34	19	11
2	Tuần Giáo	2011-2012	5.822	3.490	717	17	25	25	12
3	Tuần Giáo	2012-2013	5.607	3.521	736	15	24	25	17
4	Tuần Giáo	2013-2014	5.547	3.800	788	17	42	37	26
5	Tuần Giáo	2014-2015	6.990	4.974	1.349	68	108	75	49
6	Tuần Giáo	2015-2016	7.308	5.127	1.495	71	95	81	63
7	Tuần Giáo	2016-2017	7.327	5.144	1.506	71	106	92	71
8	Tuần Giáo	2017-2018	8.638	6.178	1.810	82	103	112	91
9	Tuần Giáo	2018-2019	8.964	6.291	1.893	91	114	118	101
10	Tuần Giáo	2019-2020	9.116	6.335	1.912	110	138	126	107
11	Tuần Giáo	2020-2021	9.450	6.252	1.972	106	144	145	93
	Tổng số		80.120	54.585	14.882	660	933	855	641
B	Chia theo từng xã								
	xã Quài Cang								
1	Quài Cang	2010 -2011	722	675	165	1	1	1	1
2	Quài Cang	2011-2012	745	628	171	3	2	3	2
3	Quài Cang	2012-2013	753	585	178	1	3	0	3
4	Quài Cang	2013-2014	779	558	208	0	0	5	8
5	Quài Cang	2014-2015	766	520	225	1	3	8	15
6	Quài Cang	2015-2016	762	532	246	2	3	9	19
7	Quài Cang	2016-2017	749	572	224	3	3	10	26
8	Quài Cang	2017-2018	744	598	198	3	5	5	26
9	Quài Cang	2018-2019	758	626	246	3	2	12	26
10	Quài Cang	2019-2020	802	579	276	3	1	11	22
11	Quài Cang	2020-2021	845	585	287	2	1	10	14
	Tổng số		8425	6458	2424	22	24	74	162
	Xã Mường Mùn								
1	Xã Mường Mùn	2010 -2011	1054	390	80	0	1	1	2
2	Xã Mường Mùn	2011-2012	1273	395	84	0	0	0	2
3	Xã Mường Mùn	2012-2013	1037	497	81	0	0	0	3
4	Xã Mường Mùn	2013-2014	586	580	78	0	0	1	5
5	Xã Mường Mùn	2014-2015	611	641	82	0	2	4	7
6	Xã Mường Mùn	2015-2016	629	691	84	2	2	2	8
7	Xã Mường Mùn	2016-2017	633	606	86	0	7	7	7
8	Xã Mường Mùn	2017-2018	654	641	88	0	1	6	11

9	Xã Mường Mùn	2018-2019	643	671	85	0	5	10	14
10	Xã Mường Mùn	2019-2020	623	683	88	0	4	9	13
11	Xã Mường Mùn	2020-2021	649	467	91	0	2	10	12
	Tổng số		8392	6262	927	2	24	50	84
	xã Mường Thín								
1	Mường Thín	2010 -2011	258	210	16	2	2	1	0
2	Mường Thín	2011-2012	250	207	15	4	4	0	0
3	Mường Thín	2012-2013	253	189	9	3	3	2	0
4	Mường Thín	2013-2014	264	185	27	2	4	1	0
5	Mường Thín	2014-2015	274	233	30	6	5	3	0
6	Mường Thín	2015-2016	263	172	48	7	6	4	2
7	Mường Thín	2016-2017	286	180	56	5	7	3	4
8	Mường Thín	2017-2018	310	194	65	2	3	5	1
9	Mường Thín	2018-2019	328	205	58	6	2	0	5
10	Mường Thín	2019-2020	346	228	51	4	5	1	3
11	Mường Thín	2020-2021	363	225	65	7	3	1	3
	Tổng số		3195	2228	440	48	44	21	18
	Xã Tênh Phong								
1	Xã Tênh Phong	2010 -2011	205	95	12	2	8	0	0
2	Xã Tênh Phong	2011-2012	233	124	25	0	0	1	0
3	Xã Tênh Phong	2012-2013	225	135	31	0	0	0	0
4	Xã Tênh Phong	2013-2014	223	146	44	0	0	1	0
5	Xã Tênh Phong	2014-2015	246	147	48	0	0	0	0
6	Xã Tênh Phong	2015-2016	231	159	54	0	0	0	0
7	Xã Tênh Phong	2016-2017	215	169	68	0	0	0	0
8	Xã Tênh Phong	2017-2018	216	177	70	0	0	2	0
9	Xã Tênh Phong	2018-2019	232	177	57	0	0	1	0
10	Xã Tênh Phong	2019-2020	232	180	61	2	4	0	6
11	Xã Tênh Phong	2020-2021	236	163	65	0	2	1	3
	Tổng số		2494	1672	535	4	14	6	9
	Xã Mùn Chung								
1	Xã Mùn Chung	2010 -2011	653	390	75	0	3	1	0
2	Xã Mùn Chung	2011-2012	678	389	70	0	2	1	0
3	Xã Mùn Chung	2012-2013	714	394	76	0	2	2	0
4	Xã Mùn Chung	2013-2014	348	212	53	0	7	3	1
5	Xã Mùn Chung	2014-2015	434	221	46	0	10	3	1
6	Xã Mùn Chung	2015-2016	461	245	55	0	0	1	
7	Xã Mùn Chung	2016-2017	474	273	72	0	0	0	1
8	Xã Mùn Chung	2017-2018	476	305	75	0	0	1	6
9	Xã Mùn Chung	2018-2019	481	333	78	0	0	0	9
10	Xã Mùn Chung	2019-2020	502	328	82	0	1	2	4
11	Xã Mùn Chung	2020-2021	501	341	80	0	0	0	4
	Tổng số		5722	3431	762	0	25	14	26
	xã Toả Tĩnh								

1	Xã Tòa Tình	2010 -2011	164	125	130	1	1	2	1
2	Xã Tòa Tình	2011-2012	180	128	118	3	1	3	1
3	Xã Tòa Tình	2012-2013	190	126	118	2	1	3	2
8	Xã Tòa Tình	2017-2018	241	152	49	1	1	2	1
9	Xã Tòa Tình	2018-2019	255	160	86	2	2	2	2
10	Xã Tòa Tình	2019-2020	268	173	87	3	4	1	1
11	Xã Tòa Tình	2020-2021	288	160	101	1	2	2	1
	Tổng số		1586	1024	689	13	12	15	9
	Xã Chiềng Sinh								
1		2010 -2011							
2		2011-2012							
3		2012-2013							
4		2013-2014							
5		2014-2015							
6		2015-2016							
7		2016-2017							
8	Xã Chiềng Sinh	2017-2018	553	396	89	4	12	15	6
9	Xã Chiềng Sinh	2018-2019	503	351	91	0	5	13	9
10	Xã Chiềng Sinh	2019-2020	499	363	85	0	7	16	10
11	Xã Chiềng Sinh	2020-2021	463	390	92	0	5	20	6
	Tổng số		2018	1500	357	4	29	64	31
	xã Chiềng Đông								
1		2010 -2011							
2		2011-2012							
3		2012-2013							
4	Chiềng Đông	2013-2014	529	410	104	2	4	5	3
5	Chiềng Đông	2014-2015	550	371	113	3	5	4	3
6	Chiềng Đông	2015-2016	540	364	129	1	6	6	7
7	Chiềng Đông	2016-2017	532	379	125	2	7	6	5
8	Chiềng Đông	2017-2018	537	393	121	2	3	4	5
9	Chiềng Đông	2018-2019	546	405	117	1	6	7	3
10	Chiềng Đông	2019-2020	592	414	123	2	5	4	5
11	Chiềng Đông	2020-2021	604	417	118	2	4	5	2
	Tổng số		4430	3153	950	15	40	41	33
	Xã Nà Sáy								
1	Nà Sáy	2010 -2011	285	212	53	1	1	1	0
2	Nà Sáy	2011-2012	281	232	43	0	1	1	0
3	Nà Sáy	2012-2013	273	242	41	2	1	1	1
4	Nà Sáy	2013-2014	270	225	36	1	1	0	0
5	Nà Sáy	2014-2015	264	217	33	0	1	0	0

6	Nà Sáy	2015-2016	285	200	21	0	2	1	1
7	Nà Sáy	2016-2017	299	208	20	2	3	2	0
8	Nà Sáy	2017-2018	301	203	25	1	0	1	1
9	Nà Sáy	2018-2019	302	218	23	3	0	1	1
10	Nà Sáy	2019-2020	320	212	30	2	3	2	2
11	Nà Sáy	2020-2021	315	226	40	2	3	3	2
	Tổng số		3195	2395	365	14	16	13	8
	xã Pú Nhung								
1		2010 -2011							
2		2011-2012							
3		2012-2013							
4		2013-2014							
5		2014-2015							
6		2015-2016							
7		2016-2017							
8	xã Pú Nhung	2017-2018	309	251	135	0	1	4	1
9	xã Pú Nhung	2018-2019	334	244	141	0	2	5	1
10	xã Pú Nhung	2019-2020	361	236	137	0	2	5	2
11	xã Pú Nhung	2020-2021	380	233	132	0	2	10	2
	Tổng số		1384	964	545	0	7	24	6
	xã Rạng Đông								
1	Rạng Đông	2010 -2011	395	243	30	0	4	7	4
2	Rạng Đông	2011-2012	397	255	28	0	7	8	5
3	Rạng Đông	2012-2013	404	250	31	0	6	9	4
4	Rạng Đông	2013-2014	428	235	30	0	10	9	5
5	Rạng Đông	2014-2015	434	240	41	0	12	8	4
6	Rạng Đông	2015-2016	456	278	47	0	13	10	7
7	Rạng Đông	2016-2017	461	300	45	0	13	11	6
8	Rạng Đông	2017-2018	460	334	52	0	12	12	9
9	Rạng Đông	2018-2019	473	353	54	5	20	17	10
10	Rạng Đông	2019-2020	485	346	59	5	15	20	7
11	Rạng Đông	2020-2021	486	339	61	0	25	26	13
	Tổng số		4879	3173	478	10	137	137	74
	Xã Mường Khong								
1	Xã Mường Khong	2010 -2011	434	221	19	0	2	0	0
2	Xã Mường Khong	2011-2012	442	236	23	0	3	1	0
3	Xã Mường Khong	2012-2013	416	268	29	0	3	2	0
4	Xã Mường Khong	2013-2014	380	310	35	0	4	3	0
5	Xã Mường Khong	2014-2015	376	328	41	0	5	2	1
6	Xã Mường Khong	2015-2016	397	397	53	0	3	3	1
7	Xã Mường Khong	2016-2017	381	330	51	0	2	4	1
8	Xã Mường Khong	2017-2018	427	295	60	4	1	3	0
9	Xã Mường Khong	2018-2019	428	276	63	6	0	2	2
10	Xã Mường Khong	2019-2020	462	259	57	5	0	5	3

11	Xã Mường Khong	2020-2021	464	279	54	3	0	1	3
	Tổng số		4607	3199	485	18	23	26	11
	Xã Pú Xi								
1		2010 -2011							
2		2011-2012							
3		2012-2013							
4	Xã Pú Xi	2013-2014	423	198	11	0	0	0	
5	Xã Pú Xi	2014-2015	451	232	14	0	0	0	0
6	Xã Pú Xi	2015-2016	446	256	16	0	0	0	0
7	Xã Pú Xi	2016-2017	421	242	19	0	2	0	0
8	Xã Pú Xi	2017-2018	464	256	22	0	3	0	0
9	Xã Pú Xi	2018-2019	492	268	24	0	3	2	1
10	Xã Pú Xi	2019-2020	505	273	25	0	5	2	2
11	Xã Pú Xi	2020-2021	546	288	29	0	6	3	3
	Tổng số		3748	2013	160	0	19	7	6
	Xã Phình Sáng								
1	Xã Phình Sáng	2010 -2011	862	664	72	3	5	3	2
2	Xã Phình Sáng	2011-2012	904	639	74	5	3	6	2
3	Xã Phình Sáng	2012-2013	1019	589	68	4	5	4	3
4	Xã Phình Sáng	2013-2014	641	325	60	2	2	4	1
5	Xã Phình Sáng	2014-2015	232	324	75	9	8	3	0
6	Xã Phình Sáng	2015-2016	702	357	80	8	5	5	1
7	Xã Phình Sáng	2016-2017	742	380	81	5	8	4	2
8	Xã Phình Sáng	2017-2018	761	421	85	6	9	7	1
9	Xã Phình Sáng	2018-2019	809	438	82	7	8	5	0
10	Xã Phình Sáng	2019-2020	839	452	79	11	15	4	3
11	Xã Phình Sáng	2020-2021	862	500	82	15	19	6	3
	Tổng số		8373	5089	838	75	87	51	18
	Xã Ta Ma								
1	Xã Ta Ma	2010 -2011	319	248	52	2	6	2	1
2	Xã Ta Ma	2011-2012	439	257	66	2	2	1	0
3	Xã Ta Ma	2012-2013	323	246	74	3	0	2	1
4	Xã Ta Ma	2013-2014	356	243	75	2	2	1	0
5	Xã Ta Ma	2014-2015	368	245	78	0	1	3	3
6	Xã Ta Ma	2015-2016	374	245	76	0	2	0	0
7	Xã Ta Ma	2016-2017	395	251	81	0	4	0	0
8	Xã Ta Ma	2017-2018	396	279	84	3	0	2	2
9	Xã Ta Ma	2018-2019	401	300	82	0	2	1	0
10	Xã Ta Ma	2019-2020	415	337	83	2	3	1	3
11	Xã Ta Ma	2020-2021	428	373	87	0	2	3	3
	Tổng số		4214	3024	838	14	24	16	13
	Xã Nà Tông								
1		2010 -2011							
2		2011-2012							

3		2012-2013							
4	Xã Nà Tòng	2013-2014	320	173	27	8	8	4	3
5	Xã Nà Tòng	2014-2015	296	205	38	12	9	6	2
6	Xã Nà Tòng	2015-2016	288	209	40	9	7	7	4
7	Xã Nà Tòng	2016-2017	294	197	35	11	8	8	3
8	Xã Nà Tòng	2017-2018	295	194	43	12	6	6	3
9	Xã Nà Tòng	2018-2019	303	208	58	10	8	5	2
10	Xã Nà Tòng	2019-2020	308	198	53	18	10	4	3
11	Xã Nà Tòng	2020-2021	330	202	56	17	8	3	2
	Tổng số		2434	1586	350	97	64	43	22
	Xã Quài Tở								
1		2010 -2011							
2		2011-2012							
3		2012-2013							
4		2013-2014							
5	Xã Quài Tở	2014-2015	833	582	235	9	16	3	1
6	Xã Quài Tở	2015-2016	662	587	247	10	12	2	2
7	Xã Quài Tở	2016-2017	633	632	254	11	13	4	3
8	Xã Quài Tở	2017-2018	684	678	269	10	14	2	2
9	Xã Quài Tở	2018-2019	850	650	278	12	12	3	2
10	Xã Quài Tở	2019-2020	721	653	264	14	15	3	2
11	Xã Quài Tở	2020-2021	839	629	258	16	18	3	2
	Tổng số		5222	4411	1805	82	100	20	14
	Xã Quài Nưa								
	Xã Quài Nưa	2014-2015	855	468	250	28	31	28	12
	Xã Quài Nưa	2015-2016	812	435	299	32	34	31	11
	Xã Quài Nưa	2016-2017	812	425	289	32	29	33	13
	Xã Quài Nưa	2017-2018	810	411	280	34	32	35	16
	Xã Quài Nưa	2018-2019	826	408	270	36	37	32	14
	Xã Quài Nưa	2019-2020	836	421	272	39	39	36	16
	Xã Quài Nưa	2020-2021	851	435	274	41	42	38	15
	Tổng số		5802	3003	1934	242	244	233	97

G HỢP SỐ LIỆU HỌC SINH TẠI XÃ KHU VỰC III TỪ NĂM 2010-2021

Tổng số học sinh DTTS học Tiểu học	Tổng số học sinh DTTS học THCS	Tổng số học sinh DTTS học THPT	Tổng số học sinh DTTS học sơ cấp	Tổng số học sinh DTTS học trung cấp	Tổng số học sinh DTTS học cao đẳng	Tổng số học sinh DTTS học đại học	Tổng số HS DTTS bỏ học Tiểu học	Tổng số HS DTTS bỏ học THCS	Tổng số HS DTTS bỏ học THPT
5.298	3.447	695	16	32	19	9	2	38	262
5.773	3.459	699	16	18	21	10	0	33	247
5.554	3.493	719	18	20	22	16	2	25	245
5.500	3.766	770	20	37	35	23	3	33	255
6.931	4.922	1.294	57	90	61	35	1	32	270
7.241	5.054	1.392	59	69	67	52	2	34	292
7.257	5.064	1.422	64	83	77	53	2	49	313
8.554	6.078	1.704	66	94	87	66	1	48	469
8.868	6.199	1.808	69	93	96	85	2	31	479
9.021	6.252	1.821	89	117	101	86	0	33	422
9.328	6.155	1.884	87	122	117	79	0	31	392
79.325	53.889	14.208	561	775	703	514	15	387	3.646
713	667	160	1	1	1	1	0	3	12
737	616	157	1	1	1	1	0	3	13
747	573	166	0	0	0	2	0	1	14
771	549	196	0	0	5	6	0	1	15
758	519	211	0	1	8	9	0	0	16
749	524	231	1	2	9	13	0	0	12
736	566	213	3	3	10	15	0	0	13
729	590	189	3	3	5	16	0	0	14
738	620	242	3	2	10	19	0	0	14
776	576	271	3	1	9	16	0	0	13
803	579	278	2	1	8	13	0	0	12
8257	6379	2314	17	15	66	111	0	8	148
1047	382	80	0	1	1	1	0	3	23
1265	390	84	0	0	0	1	0	5	25
1030	492	81	0	0	0	3	0	0	22
580	571	78	0	0	1	5	0	0	21
602	630	81	0	2	4	6	0	0	19
620	678	79	2	1	2	8	0	0	23
625	592	86	1	2	7	7	0	6	24
655	631	83	1	1	6	10	0	0	19

[illegible]

164	125	130	1	1	2	1	0	0	78
180	126	118	2	1	3	1	0	0	70
190	126	118	1	1	3	2	0	0	59
241	152	49	1	1	2	1	0	0	24
255	160	86	2	2	2	2	0	0	43
268	173	86	3	4	1	1	0	0	48
288	160	99	1	2	2	1	0	0	43
1586	1022	686	11	12	15	9	0	0	365
542	385	81	4	12	12	4	0	14	28
489	340	85	0	5	11	6	0	5	32
485	352	81	0	7	12	5	0	3	31
451	389	89	0	5	16	3	0	4	27
1967	1466	336	4	29	51	18	0	26	118
527	409	102	2	4	5	3	0	0	11
546	367	110	3	5	4	3	0	0	12
536	360	112	1	6	6	7	0	0	9
529	375	123	2	6	5	5	0	0	11
534	389	118	2	3	4	5	0	0	9
541	401	115	1	6	7	3	0	0	13
587	411	121	2	5	4	5	0	0	12
601	412	116	2	4	5	2	0	0	15
4401	3124	917	15	39	40	33	0	0	92
285	212	49	1	1	1	0	0	0	15
281	232	41	0	1	1	0	0	1	14
273	242	38	2	1	1	1	0	0	16
270	225	33	1	1	0	0	0	1	13
264	217	32	0	1	0	0	0	1	12

285	200	21	0	2	1	1	0	1	16
299	208	19	2	3	2	0	0	2	16
301	203	24	1	0	1	1	0	1	15
302	218	23	3	0	1	1	0	0	17
320	212	28	2	3	2	2	0	0	12
315	226	38	2	3	3	2	0	0	13
3195	2395	346	14	16	13	8	0	7	159
309	241	135	0	1	4	1	0	0	108
334	244	140	0	2	5	1	0	1	95
361	236	136	0	2	5	2	0	0	51
379	233	132	0	2	10	2	0	5	47
1383	954	543	0	7	24	6	0	6	301
369	235	30	0	3	5	2	0	2	35
372	246	28	0	5	6	4	0	2	26
376	243	31	0	5	6	3	0	2	34
405	224	30	0	8	7	3	0	2	37
407	232	41	0	9	6	3	0	2	32
425	271	47	0	10	7	5	0	2	40
436	290	45	0	10	10	4	0	3	42
432	321	51	0	11	10	7	0	4	43
447	339	54	4	17	14	9	0	3	45
455	328	57	4	20	17	6	0	4	47
456	322	59	0	26	24	11	0	0	41
4580	3051	473	8	124	112	57	0	29	422
434	221	19	4	2	2	1	0	6	26
442	236	23	3	3	1	0	0	4	27
416	268	29	5	3	2	1	0	6	21
380	310	35	2	4	3	0	0	7	29
376	328	41	4	5	2	1	0	4	32
397	397	53	4	3	3	1	0	5	33
381	330	51	5	2	4	1	0	3	32
427	295	60	4	1	3	0	0	4	35
428	276	63	6	0	2	2	0	3	27
462	259	57	5	0	5	3	0	4	23

[illegible]

320	173	27	8	8	4	3	0	5	12
296	205	38	12	9	6	2	0	4	9
288	209	40	9	7	7	4	0	5	8
294	197	35	11	8	8	3	0	6	8
295	194	37	12	6	6	3	0	7	11
303	208	58	10	8	5	2	0	4	13
308	198	53	18	10	4	3	0	4	11
330	202	56	17	8	3	2	0	2	15
2434	1586	344	97	64	43	22	0	37	87
833	582	231	9	16	3	1	0	2	12
658	583	243	9	10	2	2	0	1	13
626	627	245	10	11	3	2	0	2	15
679	672	254	8	12	2	2	0	1	14
842	642	271	10	11	1	2	0	0	17
716	648	252	10	12	3	2	0	1	12
832	621	249	12	16	3	2	0	2	13
5186	4375	1745	68	88	17	13	0	9	96
855	441	219	13	20	16	4	0	3	9
812	403	240	16	19	17	6	0	4	12
812	392	232	17	21	19	9	0	5	17
810	384	224	18	24	18	6	0	3	16
826	381	210	16	23	19	7	0	2	15
835	395	215	21	21	21	8	0	4	11
850	402	220	23	23	19	9	0	2	9
5800	2798	1560	124	151	129	49	0	23	89

0	0	0	0	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
1	0	0	0	
0	0	0	0	
1	0	0	0	
0	1	0	0	
1	0	0	1	
0	0	1	0	
1	1	0	0	
2	2	1	1	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
1	0	1	0	
0	0	0	1	
0	0	0	0	
1	1	0	0	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
2	1	1	1	
0	0	0	0	0
0	0	0	0	0
0	0	0	0	0
0	0	0	0	0
0	0	0	0	0

0	0	0	0	0
0	0	0	0	0
0	0	0	0	0
0	0	0	0	0
0	0	0	0	0
0	0	0	0	0
0	0	0	0	0
0	0	0	0	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
0	0	0	1	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
0	0	0	1	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
0	0	0	0	

3
2
2
2
2
2
2
3
4
3
4
0

0	0	0	0	
0	0	0	0	0
0	0	0	0	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
0	1	0	0	
0	3	2		
0	3	2	1	
0	3	5	1	
0	10	9	2	
0	0	0	0	
1	0	0	0	
0	0	1	0	
0	0	0	1	
1	1	0	0	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
1	0	0	0	
0	0	1	0	
0	1	0	0	
0	0	0	0	
3	2	2	1	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
0	1	0	0	
1	0	1	0	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
0	1	0	1	
1	0	0	0	
0	0	0	0	
0	0	1	0	
0	0	0	0	
2	2	2	1	0

0	0	0	0	
1	1	0	0	
0	0	0	0	
0	1	0	1	
0	0	0	0	
2	0	1	0	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
3	2	1	1	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
0	1	0	0	
1	0	0	0	
0	0	0	0	
0	0	1	2	làm công nhân
0	0	0	0	
1	1	1	2	
1	0	0	0	
0	0	1	0	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
1	1	0	1	
0	0	0	0	
0	0	0	0	
2	1	1	1	

TT	Tên xã	Năm	Tổng số hộ nghèo	Tổng số hộ nghèo DTTS	Tổng số học sinh thuộc hộ nghèo DTTS được hỗ trợ học Tiểu học	Tổng số học sinh thuộc hộ nghèo DTTS được hỗ trợ học THCS	Tổng số học sinh thuộc hộ nghèo DTTS được hỗ trợ học THPT	Tổng số học sinh thuộc hộ nghèo DTTS được hỗ trợ học sơ cấp
A	Huyện Tuần Giáo							
1	Tuần Giáo	2010	35	31	38	26	6	1
2	Tuần Giáo	2011	33	28	33	27	8	0
3	Tuần Giáo	2012	28	25	32	21	4	1
4	Tuần Giáo	2013	25	24	28	22	7	0
5	Tuần Giáo	2014	23	22	25	19	9	0
6	Tuần Giáo	2015	19	19	23	17	5	1
7	Tuần Giáo	2016	21	21	24	16	7	0
8	Tuần Giáo	2017	20	20	21	18	6	2
9	Tuần Giáo	2018	18	18	19	16	7	0
10	Tuần Giáo	2019	12	12	16	10	3	1
11	Tuần Giáo	2020	21	20	24	18	8	0
12	Tuần Giáo	2021	10	9	13	9	3	1
	Tổng số		265	249	296	219	73	7
B	Chia theo từng xã							
	Thị trấn Tuần Giáo							
1	Thị trấn	2010	35	31	38	26	6	1
2	Thị trấn	2011	33	28	33	27	8	0
3	Thị trấn	2012	28	25	32	21	4	1

4	Thị trấn	2013	25	24	28	22	7	0
5	Thị trấn	2014	23	22	25	19	9	0
6	Thị trấn	2015	19	19	23	17	5	1
7	Thị trấn	2016	21	21	24	16	7	0
8	Thị trấn	2017	20	20	21	18	6	2
9	Thị trấn	2018	18	18	19	16	7	0
10	Thị trấn	2019	12	12	16	10	3	1
11	Thị trấn	2020	21	20	24	18	8	0
12	Thị trấn	2021	10	9	13	9	3	1
	Tổng số		265	249	296	219	73	7

ẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU HỌC SINH DTTS TẠI KHU VỰC I KHI RA KHỎI DANH SÁCH H

Tổng số học sinh thuộc hộ nghèo DTTS được hỗ trợ học trung cấp	Tổng số học sinh thuộc hộ nghèo DTTS được hỗ trợ học cao đẳng	Tổng số học sinh thuộc hộ nghèo DTTS được hỗ trợ học đại học	Tổng số HS DTTS thuộc hộ nghèo không được hỗ trợ học cấp I khi ra khỏi danh sách hộ nghèo	Tổng số HS DTTS thuộc hộ nghèo không được hỗ trợ học cấp II khi ra khỏi danh sách hộ nghèo	Tổng số HS DTTS thuộc hộ nghèo không được hỗ trợ học cấp III khi ra khỏi danh sách hộ nghèo	Tổng số HS DTTS thuộc hộ nghèo không được hỗ trợ học sơ cấp khi ra khỏi danh sách hộ nghèo	Tổng số HS DTTS thuộc hộ nghèo không được hỗ trợ học trung cấp khi ra khỏi danh sách hộ nghèo
0	0	0	0	0	0	0	0
1	0	1	0	0	0	0	0
0	1	0	0	0	0	0	0
1	1	0	0	0	0	0	0
0	0	1	0	0	0	0	0
1	1	1	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
1	2	1	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	1	0	0	1	0	0	0
2	1	0	0	0	0	0	0
1	0	0	0	0	0	0	0
7	7	4	0	1	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
1	0	1	0	0	0	0	0
0	1	0	0	0	0	0	0

1	1	0	0	0	0	0	0
0	0	1	0	0	0	0	0
1	1	1	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
1	2	1	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	1	0	0	1	0	0	0
2	1	0	0	0	0	0	0
1	0	0	0	0	0	0	0
7	7	4	0	1	0	0	0

Ộ NGHÈO TỪ NĂM 2010 - 2021

[illegible]

[illegible]

[illegible]

BẢNG TỔNG HỢP S

TT	Tên xã	Năm	Tổng số hộ nghèo	Tổng số hộ nghèo DTTS	Tổng số học sinh thuộc hộ nghèo DTTS được hỗ trợ học Tiểu học	Tổng số học sinh thuộc hộ nghèo DTTS được hỗ trợ học THCS	Tổng số học sinh thuộc hộ nghèo DTTS được hỗ trợ học cấp THPT	Tổng số học sinh thuộc hộ nghèo DTTS được hỗ trợ học sơ cấp	Tổng số học sinh thuộc hộ nghèo DTTS được hỗ trợ học trung cấp
A	huyện Tuần Giáo								
1	Tuần Giáo	2010	1282	1282	831	479	91	21	33
2	Tuần Giáo	2011	1350	1350	874	513	101	26	31
3	Tuần Giáo	2012	1907	1907	1279	833	170	32	33
4	Tuần Giáo	2013	2339	2339	1506	963	220	32	33
5	Tuần Giáo	2014	607	607	388	178	131	2	11
6	Tuần Giáo	2015	651	651	423	179	144	8	8
7	Tuần Giáo	2016	942	942	539	345	164	6	10
8	Tuần Giáo	2017	0	0	0	0	0	0	0
9	Tuần Giáo	2018	0	0	0	0	0	0	0
10	Tuần Giáo	2019	0	0	0	0	0	0	0
11	Tuần Giáo	2020	0	0	0	0	0	0	0
12	Tuần Giáo	2021	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng số		9078	9078	5840	3490	1021	127	159
B	Chia theo từng xã								
	Xã Tỏa Tình								
1									
2									
3									
4	Xã Tỏa Tình	2013	198	198	191	122	35	3	1
5	Xã Tỏa Tình	2014	41	41	36	8	55	2	1
6	Xã Tỏa Tình	2015	45	45	38	12	58	5	1
7	Xã Tỏa Tình	2016	249	249	132	82	62	4	1
8									
9									
10									
11									
12									
	Tổng số		533	533	397	224	210	14	4
	Xã Chiềng Sinh								
1	Xã Chiềng Sinh	2010	858	858	476	347	35	6	7
2	Xã Chiềng Sinh	2011	897	897	495	360	42	5	6
3	Xã Chiềng Sinh	2012	966	966	538	378	50	8	5
4	Xã Chiềng Sinh	2013	922	922	527	335	60	3	8
5	Xã Chiềng Sinh	2014	513	513	299	142	72	0	10
6	Xã Chiềng Sinh	2015	469	469	248	140	81	3	6
7	Xã Chiềng Sinh	2016	561	561	275	196	90	2	8
8		2017							
9		2018							
10		2019							
11		2020							
12		2021							
	Tổng số		5186	5186	2858	1898	430	27	50

	xã Pú Nhung								
1	xã Pú Nhung	2010	23	23	12	12	1	0	0
2	xã Pú Nhung	2011	21	21	15	14	2	0	0
3	xã Pú Nhung	2012	23	23	17	16	3	0	0
4	xã Pú Nhung	2013	25	25	25	12	2	0	0
5	xã Pú Nhung	2014	53	53	53	28	4	0	0
6	xã Pú Nhung	2015	137	137	137	27	5	0	1
7	xã Pú Nhung	2016	132	132	132	67	12	0	1
8		2017							
9		2018							
10		2019							
11		2020							
12		2021							
	Tổng số								
	Xã Quài Tở								
1	Xã Quài Tở	2010	286	286	268	80	34	3	9
2	Xã Quài Tở	2011	312	312	287	96	37	5	11
3	Xã Quài Tở	2012	384	384	298	102	43	6	10
4	Xã Quài Tở	2013	599	599	316	138	47	9	8
5		2014							
6		2015							
7		2016							
8		2017							
9		2018							
10		2019							
11		2020							
12		2021							
	Tổng số		1581	1581	1169	416	161	23	38
	Xã Quài Nưa								
1	Xã Quài Nưa	2010	115	115	75	40	21	12	17
2	Xã Quài Nưa	2011	120	120	77	43	20	16	14
3	Xã Quài Nưa	2012	534	534	426	337	74	18	18
4	Xã Quài Nưa	2013	595	595	447	356	76	17	16
	Tổng số		1364	1364	1025	776	191	63	65

Ồ LIỆU HỌC SINH DTTS TẠI KHU VỰC II KHI RA KHỎI DANH SÁCH HỘ NGHÈO TỪ NĂM 20

Tổng số học sinh thuộc hộ nghèo DTTS được hỗ trợ học cao đẳng	Tổng số học sinh thuộc hộ nghèo DTTS được hỗ trợ học đại học	Tổng số HS DTTS thuộc hộ nghèo không được hỗ trợ học cấp I khi ra	Tổng số HS DTTS thuộc hộ nghèo không được hỗ trợ học cấp II khi	Tổng số HS DTTS thuộc hộ nghèo không được hỗ trợ học cấp III khi	Tổng số HS DTTS thuộc hộ nghèo không được hỗ trợ học sơ cấp khi ra	Tổng số HS DTTS thuộc hộ nghèo không được hỗ trợ học trung	Tổng số HS DTTS thuộc hộ nghèo không được hỗ trợ học cao	Tổng số HS DTTS thuộc hộ nghèo không được hỗ trợ học đại học	Tổng số HS DTTS bỏ học cấp I khi ra khỏi danh sách hộ nghèo
37	6	14	11	1	0	0	1	0	0
36	9	15	11	2	0	2	1	1	0
39	10	16	11	1	1	0	0	0	0
44	10	26	16	5	0	0	0	1	0
16	6	10	5	5	0	1	1	0	1
16	7	9	5	5	0	0	0	0	0
14	9	14	9	5	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
202	57	104	68	24	1	3	3	2	1
2	2	9	6	2	0	0	0	0	0
3	2	2	1	3	0	0	0	0	0
2	1	2	1	3	0	0	0	0	0
2	2	6	4	3	0	0	0	0	0
9	7	19	12	11	0	0	0	0	0
8	2	14	10	1	0	0	0	0	0
7	2	14	10	1	0	1	1	1	0
8	2	16	11	1	0	0	0	0	0
6	3	15	10	1	0	0	0	1	0
10	4	8	4	2	0	1	1	0	1
11	5	7	4	2	0	0	0	0	0
8	6	8	5	2	0	0	0	0	0
58	24	82	54	10	0	2	2	2	1

0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	1	0	0	0	0	0	0	0	0
4	1	0	0	0	0	0	0	0	0
13	2	0	0	0	0	0	0	0	0
15	3	0	0	0	0	0	0	0	0
16	2	0	0	0	0	0	0	0	0
18	1	0	0	0	0	0	0	0	0
62	8	0	0	0	0	0	0	0	0
16	2	0	1	0	0	0	1	0	0
14	4	1	1	1	0	1	0	0	0
15	6	0	0	0	1	0	0	0	0
17	4	2	0	2	0	0	0	0	0
62	16	3	2	3	1	1	1	0	0

Tổng số HS DTTS bỏ học cấp II khi ra khỏi danh sách hộ nghèo	Tổng số HS DTTS bỏ học cấp III khi ra khỏi danh sách hộ nghèo	Tổng số HS DTTS bỏ học sơ cấp khi ra khỏi danh sách hộ nghèo	Tổng số HS DTTS bỏ học trung cấp khi ra khỏi danh sách hộ nghèo	Tổng số HS DTTS bỏ học cao đẳng khi ra khỏi danh sách hộ nghèo	Tổng số HS DTTS bỏ học đại học khi ra khỏi danh sách hộ nghèo	Lý do bỏ học
8	1	0	0	0	0	
7	0	0	0	0	0	
9	1	0	0	0	0	
6	0	0	0	0	0	
5	1	0	0	0	0	
2	1	0	0	0	0	
5	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	
42	4	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	
8	1	0	0	0	0	
7	0	0	0	0	0	
9	1	0	0	0	0	
6	0	0	0	0	0	
5	1	0	0	0	0	
2	1	0	0	0	0	
5	0	0	0	0	0	
42	4	0	0	0	0	

0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU

TT	Tên xã	Năm	Tổng số hộ nghèo	Tổng số hộ nghèo DTTS	Tổng số học sinh thuộc hộ nghèo DTTS được hỗ trợ học Tiểu học	Tổng số học sinh thuộc hộ nghèo DTTS được hỗ trợ học THCS	Tổng số học sinh thuộc hộ nghèo DTTS được hỗ trợ học THPT	Tổng số học sinh thuộc hộ nghèo DTTS được hỗ trợ học sơ cấp	Tổng số học sinh thuộc hộ nghèo DTTS được hỗ trợ học trung cấp	Tổng số học sinh thuộc hộ nghèo DTTS được hỗ trợ học cao đẳng
A	huyện Tuần Giáo									
1	Tuần Giáo	2010	4307	4305	2295	1792	508	331	17	9
2	Tuần Giáo	2011	5704	5665	2886	2142	739	22	21	14
3	Tuần Giáo	2012	5767	5731	3006	2483	768	19	16	22
4	Tuần Giáo	2013	6494	6494	3568	2924	893	43	33	30
5	Tuần Giáo	2014	6213	6207	3772	2969	1046	62	52	50
6	Tuần Giáo	2015	6129	6125	3885	2797	1040	93	63	46
7	Tuần Giáo	2016	6985	6985	4152	3324	1069	97	57	55
8	Tuần Giáo	2017	8446	8446	5094	4032	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!
9	Tuần Giáo	2018	8187	8187	5147	3941	1439	117	87	75
10	Tuần Giáo	2019	7846	7846	5196	3827	1542	117	77	83
11	Tuần Giáo	2020	7012	7012	4634	3291	1576	139	104	91
12	Tuần Giáo	2021	7481	7580	5539	6418	3703	512	110	118
	Tổng số		80571	80583	49174	39940	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!
B	Chia theo từng xã									
	xã Quài Cang									
1	Quài Cang	2010	992	990	629	428	42	0	0	0
2	Quài Cang	2011	987	987	622	462	41	0	1	1
3	Quài Cang	2012	986	986	563	567	52	0	1	0
4	Quài Cang	2013	953	953	543	562	59	1	0	2
5	Quài Cang	2014	890	887	524	325	78	1	1	4
6	Quài Cang	2015	834	832	538	280	82	0	2	3
7	Quài Cang	2016	793	793	581	379	79	1	0	4
8	Quài Cang	2017	950	950	518	389	65	2	0	2
9	Quài Cang	2018	810	810	478	362	85	0	1	1
10	Quài Cang	2019	710	710	463	337	92	0	1	3
11	Quài Cang	2020	569	569	310	271	98	0	0	2
12	Quài Cang	2021	460	460	280	236	72	0	0	2

	Tổng số		9934	9927	6049	4598	845	5	7	24
	Xã Mường Mùn									
1	Xã Mường Mùn	2010	906	906	306	235				
2	Xã Mường Mùn	2011	850	850	315	246	78	0	1	1
3	Xã Mường Mùn	2012	806	806	320	327	79	0	0	1
4	Xã Mường Mùn	2013	704	704	299	383	80	0	0	2
5	Xã Mường Mùn	2014	465	465	203	360	76	0	0	1
6	Xã Mường Mùn	2015	439	439	240	282	88	0	2	2
7	Xã Mường Mùn	2016	671	671	287	399	91	1	1	2
8	Xã Mường Mùn	2017	650	650	290	436	96	1	2	5
9	Xã Mường Mùn	2018	605	605	340	450	82	1	1	5
10	Xã Mường Mùn	2019	555	555	398	450	85	2	2	7
11	Xã Mường Mùn	2020	498	498	225	233	89	1	2	7
12	Xã Mường Mùn	2021	437	437	215	230	112	2	2	8
	Tổng số		7586	7586	3438	4031	956	8	13	41
	xã Mường Thín									
1	Mường Thín	2010	310	310	105	258	210	16	2	0
2	Mường Thín	2011	303	303	108	250	207	15	0	0
3	Mường Thín	2012	290	290	255	253	189	9	1	0
4	Mường Thín	2013	256	256	158	264	185	27	2	0
5	Mường Thín	2014	229	229	153	274	233	30	0	3
6	Mường Thín	2015	218	218	124	263	172	48	0	2
7	Mường Thín	2016	337	337	201	286	180	56	0	3
8	Mường Thín	2017	304	304	188	307	194	65	0	4
9	Mường Thín	2018	290	290	170	325	205	58	0	0
10	Mường Thín	2019	245	245	169	342	228	51	0	1
11	Mường Thín	2020	222	222	160	358	223	65	0	0
12	Mường Thín	2021	349	348	182	3180	2226	440	5	13
	Tổng số		3353	3352	1973	3180	2226	440	5	13
	Xã Tênh Phong									
1	Xã Tênh Phong	2010	138	138	129	136	6	1	4	0
2	Xã Tênh Phong	2011	142	142	135	143	6	1	4	0
3	Xã Tênh Phong	2012	132	132	142	149	25	0	0	1
4	Xã Tênh Phong	2013	125	125	139	145	31	0	0	0
5	Xã Tênh Phong	2014	97	97	145	151	44	0	0	1
6	Xã Tênh Phong	2015	110	110	143	163	48	0	0	0
7	Xã Tênh Phong	2016	194	194	148	167	54	0	0	0
8	Xã Tênh Phong	2017	194	194	137	161	68	0	0	0
9	Xã Tênh Phong	2018	188	188	168	116	70	0	0	2
10	Xã Tênh Phong	2019	179	179	189	92	57	0	0	1

11	Xã Tênh Phong	2020	173	173	149	91	73	2	4	0
12	Xã Tênh Phong	2021	165	165	150	92	91	0	2	1
	Tổng số		1837	1837	1774	1606	573	4	14	6
	xã Mùn Chung									
1	Mùn Chung	2010	465	465	285	105	75	0	3	1
2	Mùn Chung	2011	652	652	352	225	75	0	2	1
3	Mùn Chung	2012	702	702	339	295	68	0	2	2
4	Mùn Chung	2013	532	532	313	145	74	0	7	3
5	Mùn Chung	2014	529	529	297	180	52	0	10	3
6	Mùn Chung	2015	529	529	309	175	45	0	0	1
7	Mùn Chung	2016	650	650	399	199	52	0	0	
8	Mùn Chung	2017	670	670	347	255	68	0	2	1
9	Mùn Chung	2018	664	664	331	260	73	0	3	0
10	Mùn Chung	2019	636	636	312	229	95	0	1	1
11	Mùn Chung	2020	569	569	270	201	98	0	0	0
12	Mùn Chung	2021	811	811	498	193	120	0	0	0
	Tổng số		7409	7409	4052	2462	895	0	30	13
	Xã Tỏa Tình									
1	Xã Tỏa Tình	2010	175	175	164	125	78	312	1	2
2	Xã Tỏa Tình	2011	205	205	180	128	130	1	1	2
3	Xã Tỏa Tình	2012	210	210	190	125	118	2	1	3
4		2013								
5		2014								
6		2015								
7		2016								
8	Xã Tỏa Tình	2017	256	256	137	85	118	1	1	3
9	Xã Tỏa Tình	2018	260	260	151	90	49	1	1	2
10	Xã Tỏa Tình	2019	253	253	177	89	86	2	2	2
11	Xã Tỏa Tình	2020	252	252	169	81	96	3	4	1
12	Xã Tỏa Tình	2021	246	246	170	71	108	1	2	2
	Tổng số		1857	1857	1338	794	783	323	13	17
	Xã Chiềng Sinh									
1		2010								
2		2011								
3		2012								
4		2013								
5		2014								
6		2015								
7		2016								
8	Xã Chiềng Sinh	2017	744	744	386	260	98	4	9	11

9	Xã Chiềng Sinh	2018	646	646	294	233	119	4	12	12
10	Xã Chiềng Sinh	2019	613	613	259	219	135	0	5	11
11	Xã Chiềng Sinh	2020	471	471	172	160	139	0	7	12
12	Xã Chiềng Sinh	2021	753	753	468	140	145	0	5	16
	Tổng số		3227	3227	1579	1012	636	8	38	62
	xã Chiềng Đông									
1		2010								
2		2011								
3		2012								
4	Chiềng Đông	2013	653	653	290	262	59	0	0	2
5	Chiềng Đông	2014	590	587	315	225	68	0	1	4
6	Chiềng Đông	2015	534	532	320	280	81	0	2	3
7	Chiềng Đông	2016	493	493	332	279	79	0	0	4
8	Chiềng Đông	2017	550	550	350	289	65	0	0	2
9	Chiềng Đông	2018	510	510	335	242	85	0	1	1
10	Chiềng Đông	2019	510	510	337	237	82	1	1	3
11	Chiềng Đông	2020	469	469	315	231	78	2	0	2
12	Chiềng Đông	2021	360	460	335	244	72	2	0	2
	Tổng số		4669	4764	2929	2289	669	5	5	23
	Nà Sáy									
1	Nà Sáy	2010	321	321	90	110	35	1	1	1
2	Nà Sáy	2011	318	318	150	134	67	0	1	1
3	Nà Sáy	2012	347	347	148	135	78	2	1	1
4	Nà Sáy	2013	378	378	191	145	65	1	1	0
5	Nà Sáy	2014	327	327	187	145	45	0	1	0
6	Nà Sáy	2015	345	345	169	115	35	0	2	1
7	Nà Sáy	2016	307	307	154	125	25	2	3	2
8	Nà Sáy	2017	329	329	167	117	34	1	0	1
9	Nà Sáy	2018	343	343	135	145	48	3	0	1
10	Nà Sáy	2019	320	320	168	135	34	2	1	1
11	Nà Sáy	2020	303	303	119	126	43	2	2	1
12	Nà Sáy	2021	279	279	132	122	41	2	3	3
	Tổng số		3614	3614	1810	1556	550	16	16	13
	xã Pú Nhung									
1	xã Pú Nhung	2010								
2	xã Pú Nhung	2011								
3	xã Pú Nhung	2012								
4	xã Pú Nhung	2013								
5	xã Pú Nhung	2014								
6	xã Pú Nhung	2015								

7	xã Pú Nhung	2016								
8	xã Pú Nhung	2017	203	203	203	117	65	0	2	2
9	xã Pú Nhung	2018	231	231	231	135	74	0	1	4
10	xã Pú Nhung	2019	231	231	231	121	69	0	2	5
11	xã Pú Nhung	2020	234	234	234	109	64	0	2	5
12	xã Pú Nhung	2021	212	212	212	204	125	0	2	10
	Tổng số		1111	1111	1111	686	397	0	9	26
	xã Rạng Đông									
1	Rạng Đông	2010	372	372	240	109	17	0	2	2
2	Rạng Đông	2011	380	380	243	109	18	0	3	4
3	Rạng Đông	2012	461	461	255	175	20	0	4	5
4	Rạng Đông	2013	536	536	257	250	16	0	5	5
5	Rạng Đông	2014	419	419	267	112	30	0	5	3
6	Rạng Đông	2015	417	417	271	98	35	0	6	4
7	Rạng Đông	2016	515	515	264	205	30	0	7	7
8	Rạng Đông	2017	532	532	274	209	31	0	6	8
9	Rạng Đông	2018	592	592	315	216	33	0	12	10
10	Rạng Đông	2019	588	588	305	210	39	2	15	13
11	Rạng Đông	2020	572	572	293	188	40	3	21	20
12	Rạng Đông	2021	523	523	289	143	48	0	20	18
	Tổng số		5907	5907	3273	1915	357	5	106	99
	Xã Mường Khong									
1	Xã Mường Khong	2010	282	282	135	152	18	0	2	1
2	Xã Mường Khong	2011	297	297	220	164	19	0	2	0
3	Xã Mường Khong	2012	301	301	214	173	23	0	3	1
4	Xã Mường Khong	2013	276	276	195	179	29	0	3	2
5	Xã Mường Khong	2014	268	268	127	187	35	0	4	3
6	Xã Mường Khong	2015	387	387	213	193	41	0	5	2
7	Xã Mường Khong	2016	391	391	147	203	53	0	3	3
8	Xã Mường Khong	2017	375	375	297	187	51	0	2	4
9	Xã Mường Khong	2018	365	365	312	176	60	4	1	3
10	Xã Mường Khong	2019	356	356	321	173	63	6	0	2
11	Xã Mường Khong	2020	345	345	341	192	57	5	0	5
12	Xã Mường Khong	2021	310	310	291	207	54	3	0	1
	Tổng số		3298	3298	2181	1787	392	10	25	21
	Xã Pú Xi									
1		2010								
2		2011								
3		2012								
4	Xã Pú Xi	2013	450	450	410	175	45	0	1	1

[illegible]

4	Xã Nà Tòng	2013	205	205	167	112	26	7	6	5
5	Xã Nà Tòng	2014	198	198	157	106	32	8	8	4
6	Xã Nà Tòng	2015	212	212	164	114	38	12	9	6
7	Xã Nà Tòng	2016	215	215	167	123	35	9	7	7
8	Xã Nà Tòng	2017	241	241	172	194	37	11	8	8
9	Xã Nà Tòng	2018	242	242	176	129	48	12	6	6
10	Xã Nà Tòng	2019	244	244	184	142	51	10	8	5
11	Xã Nà Tòng	2020	234	234	169	132	54	18	10	4
12	Xã Nà Tòng	2021	205	205	172	134	51	17	8	3
	Tổng số		1996	1996	1528	1186	372	104	70	48
	Xã Quài Tở									
1		2010								
2		2011								
3		2012								
4		2013								
5	Xã Quài Tở	2014	289	289	123	124	74	12	12	9
6	Xã Quài Tở	2015	294	294	112	102	82	14	16	11
7	Xã Quài Tở	2016	387	387	143	106	84	12	18	10
8	Xã Quài Tở	2017	435	435	165	108	78	16	20	12
9	Xã Quài Tở	2018	492	492	248	146	86	16	19	9
10	Xã Quài Tở	2019	463	463	254	132	81	17	17	13
11	Xã Quài Tở	2020	380	380	312	148	90	18	19	15
12	Xã Quài Tở	2021	302	302	298	156	87	19	23	17
	Tổng số		3042	3042	1655	1022	662	124	144	96
	Xã Quài Nưa									
5	Xã Quài Nưa	2014	483	483	220	263	89	9	7	9
6	Xã Quài Nưa	2015	423	423	221	202	91	10	9	7
7	Xã Quài Nưa	2016	470	470	214	256	98	8	10	8
8	Xã Quài Nưa	2017	450	450	203	247	102	11	12	9
9	Xã Quài Nưa	2018	439	439	191	248	108	12	15	11
10	Xã Quài Nưa	2019	427	427	187	240	123	16	9	7
11	Xã Quài Nưa	2020	338	338	167	171	97	9	11	10
12	Xã Quài Nưa	2021	329	329	166	163	86	10	12	12
	Tổng số		3359	3359	1569	1790	794	85	85	73

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

2	0	0	0	2	0	0	0	0	0
3	0	2	2	0	1	0	1	0	1
2	0	0	0	1	0	1	0	0	0
4	1	1	1	0	1	0	0	0	2
3	0	0	0	1	0	0	0	0	1
3	0	2	1	0	0	0	0	0	0
2	0	0	0	1	0	1	0	0	2
3	0	1	1	0	1	0	0	0	1
2	0	0	0	1	0	0	0	0	0
24	1	6	5	6	3	2	1	0	7
6	0	0	1	0	0	0	0	0	0
4	1	2	0	1	0	1	0	0	1
5	0	1	2	0	1	1	1	0	0
6	1	0	0	0	0	0	0	0	0
8	0	1	2	1	1	1	0	0	2
7	0	0	1	0	0	0	0	0	0
5	0	0	0	0	1	0	0	0	1
6	0	0	1	0	0	0	0	0	0
47	2	4	7	2	3	3	1	0	4
3	1	1	2	1	0	0	0	0	0
2	0	2	1	0	0	0	0	0	1
4	0	1	3	1	1	1	1	0	2
2	0	0	1	0	0	0	0	0	1
3	0	1	1	0	0	1	0	0	1
5	1	2	2	1	2	0	0	0	2
6	0	1	3	0	1	1	1	0	1
4	1	0	1	0	0	0	0	0	1
29	3	8	14	3	4	3	2	0	9

Biểu số 6

Tổng số HS DTTS bỏ học cấp III khi ra khỏi danh sách hộ nghèo	Tổng số HS DTTS bỏ học sơ cấp khi ra khỏi danh sách hộ nghèo	Tổng số HS DTTS bỏ học trung cấp khi ra khỏi danh sách hộ nghèo	Tổng số HS DTTS bỏ học cao đẳng khi ra khỏi danh sách hộ nghèo	Tổng số HS DTTS bỏ học đại học khi ra khỏi danh sách hộ nghèo	Lý do bỏ học
20	0	0	0	0	
17	0	0	1	0	
14	3	3	1	4	
38	2	4	3	0	
41	2	3	0	0	
40	4	4	3	4	
36	6	7	4	2	
47	2	3	1	1	
40	3	6	3	2	
53	6	3	5	4	
45	4	4	2	1	
35	2	0	0	0	
426	34	37	23	18	
2	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
3	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
1	0	0	0	0	
2	0	0	0	0	
1	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	

9	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
3	0	0	0	0	
1	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
4	0	0	0	0	
2	0	0	0	0	
5	1	1	0	0	
2	0	0	0	0	
3	0	0	0	0	
2	0	1	0	0	
0	0	0	0	1	
1	2	0	1	0	
0	0	0	0	0	
23	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	1	1	0	1	
0	0	0	1	0	
1	0	0	0	0	
0	0	2	0	0	
0	1	0	0	1	
0	0	0	0	0	
1	0	0	0	0	
0	1	0	1	0	

0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
2	3	3	2	2	0
2	0	0	0	0	
1	0	0	0	0	
0	0	0	1	1	
3	1	0	0	0	
2	0	1	0	0	
3	0	0	0	1	
4	1	0	2	0	
4	0	1	0	0	
0	0	0	0	0	
2	0	0	0	0	
2	0	0	0	0	
1	0	0	0	0	
24	2	2	3	2	0
	0	0	0	0	
	0	0	0	0	
	0	0	0	0	
	0	0	0	0	
	0	0	0	0	
	0	0	0	0	
	0	0	0	0	
	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0
8	0	0	0	0	

3	0	0	0	0	
5	0	0	0	0	
6	0	1	0	0	
7	1	0	0	0	
6	0	0	0	0	
27	1	1	0	0	
1	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
1	0	0	0	0	
12	0	0	0	0	
13	0	0	1	0	
11	1	2	0	1	
15	0	3	1	0	
17	2	0	0	0	
15	0	0	0	1	
16	0	3	1	0	
16	1	0	0	0	
14	0	3	0	0	
19	1	0	1	0	
15	0	1	0	0	
12	2	0	0	0	
148	5	11	4	2	
2	0	0	0	0	

3	0	0	0	0	
2	0	0	0	0	
1	2	1	0	0	
2	0	0	0	0	
3	2	0	1	0	
2	0	0	0	0	
3	1	0	0	0	
1	0	0	0	0	
19	5	1	1	0	
2	0	0	0	0	
1	0	0	0	1	
1	1	0	0	0	
2	0	0	0	0	
0	0	0	1	0	
2	0	1	0	0	
0	0	0	0	1	
1	0	0	1	0	
1	1	0	0	0	
0	0	1	0	1	
1	0	0	0	0	
11	2	2	0	3	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
2	1	0	0	0	
0	0	1	1	0	
1	0	0	0	0	
3	1	0	0	0	
0	0	0	0	0	
1	0	1	0	0	
0	0	0	0	1	
1	0	0	1	0	
0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	
8	2	2	2	1	

2	0	0	0	0	
1	0	0	0	0	
3	1	1	1	0	
2	0	0	0	1	
3	1	0	0	0	
2	0	1	0	0	
1	0	0	0	0	
3	0	0	0	0	
1	0	0	0	0	
18	2	2	1	1	

1	0	0	0	0	
2	0	0	1	1	
1	1	1	0	0	
1	0	1	1	0	
2	0	0	0	0	
3	1	1	1	1	
2	0	0	0	0	
1	0	0	0	0	
13	2	3	3	2	

2	0	0	0	0	
3	1	0	0	0	
1	0	0	0	0	
2	0	0	0	0	
3	0	0	0	0	
2	1	0	0	1	
1	0	0	0	0	
2	0	0	0	0	
16	2	0	0	1	

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU

TT	Tên xã	Dân tộc	Số học sinh bỏ học cấp I			Số học sinh bỏ học cấp II			Số học sinh bỏ học cấp III	
			Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Khu vực I	Khu vực II
A	Huyện Tuần Giáo									
I	h tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù	0	0	0	0	0	0	0	0
2		Phù Lá	0	0	0	0	0	0	0	0
3		La chí	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tuần Giáo	Kháng	0	0	0	0	0	0	0	0
5		Hà Nhì	0	0	0	0	0	0	0	0
6		Xinh -Mun	0	0	0	0	0	0	0	0
7		Co	0	0	0	0	0	0	0	0
8		Ta -ôi	0	0	0	0	0	0	0	0
9		Cơ Tu	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Tuần Giáo	Khơ Mú	0	0	0	0	0	6	0	0
11		Bru- Vân Kiều	0	0	0	0	0	0	0	0
12		Mnông	0	0	0	0	0	0	0	0
13		Ra-Glai	0	0	0	0	0	0	0	0
14		Xơ - đăng	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Tuần Giáo	Hmông	0	0	2	0	10	18	0	20
16		Xtiêng	0	0	0	0	0	0	0	0
17		Gia - Rai	0	0	0	0	0	0	0	0
18		Dao	0	0	0	0	0	0	0	0
19		Nùng	0	0	0	0	0	0	0	0
20		Tày	0	0	0	0	0	0	0	0
21		Sán Chay	0	0	0	0	0	0	0	0
22		Lào	0	0	0	0	0	0	0	0
23		Giáy	0	0	0	0	0	0	0	0
24		Giê - Triêng	0	0	0	0	0	0	0	0
25		Mường	0	0	0	0	0	0	0	0
26		Ba - na	0	0	0	0	0	0	0	0
27		Hrê	0	0	0	0	0	0	0	0
28		Chăm	0	0	0	0	0	0	0	0
29		Ê-đê	0	0	0	0	0	0	0	0
30		Cơ - ho	0	0	0	0	0	0	0	0
31		Khơ -me	0	0	0	0	0	0	0	0
32		Mạ	0	0	0	0	0	0	0	0
II	ân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đù	0	0	0	0	0	0	0	0
2		Brâu	0	0	0	0	0	0	0	0
3		Rơ - măm	0	0	0	0	0	0	0	0
4		Pu Péo	0	0	0	0	0	0	0	0
5		Sì La	0	0	0	0	0	0	0	0
6		Cống	0	0	0	0	0	0	0	0
7		Bố Y	0	0	0	0	0	0	0	0
8		Cơ Lao	0	0	0	0	0	0	0	0
9		Mảng	0	0	0	0	0	0	0	0
10		Lô Lô	0	0	0	0	0	0	0	0
11		Chứt	0	0	0	0	0	0	0	0
12		Lự	0	0	0	0	0	0	0	0
13		Pà Thên	0	0	0	0	0	0	0	0
15		La Ha	0	0	0	0	0	0	0	0

	Tổng số		0	0	2	0	10	24	0	20
B	Chia theo từng xã									
	Xã Quài Càng									
I	h tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Cơ								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Quài Càng	Hmông								
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	ân tộc có khó khăn đặc thù									
1		O - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								
5		Sì La								
6		Cống								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chứt								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
	Xã Mường Mùn									
I	h tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								

5		Hà Nhì							
6		Xinh -Mun							
7		Co							
8		Ta -ôi							
9		Cơ Tu							
10	Xã Mường Mùn	Khơ Mú		0			1		
11		Bru- Vân Kiều							
12		Mnông							
13		Ra-Glai							
14		Xơ - đăng							
15	Xã Mường Mùn	Hmông		0			2		
16		Xtiêng							
17		Gia - Rai							
18		Dao							
19		Nùng							
20		Tày							
21		Sán Chay							
22		Lào							
23		Giáy							
24		Giê - Triêng							
25		Mường							
26		Ba - na							
27		Hrê							
28		Chăm							
29		Ê-đê							
30		Cơ - ho							
31		Khơ -me							
32		Mạ							
II Dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư							
2		Brâu							
3		Rơ - măm							
4		Pu Péo							
5		Sì La							
6		Cống							
7		Bố Y							
8		Cơ Lao							
9		Mảng							
10		Lô Lô							
11		Chứt							
12		Lự							
13		Pà Thẻn							
15		La Ha							
Tổng số									
Xã Mường Thín									
I Dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ							
2		Phù Lá							
3		La chí							
4		Kháng							
5		Hà Nhì							
6		Xinh -Mun							
7		Co							
8		Ta -ôi							
9		Cơ Tu							
10		Khơ Mú							
11		Bru- Vân Kiều							
12		Mnông							
13		Ra-Glai							

14		Xơ - đăng							
15		Hmông			0			1	
16		Xtiêng							
17		Gia - Rai							
18		Dao							
19		Nùng							
20		Tày							
21		Sán Chay							
22		Lào							
23		Giáy							
24		Giê - Triêng							
25		Mường							
26		Ba - na							
27		Hrê							
28		Chăm							
29		Ê-đê							
30		Cơ - ho							
31		Khơ -me							
32		Mạ							
II Dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		O - đư							
2		Brâu							
3		Rơ - măm							
4		Pu Péo							
5		Si La							
6		Cống							
7		Bố Y							
8		Cơ Lao							
9		Mảng							
10		Lô Lô							
11		Chứt							
12		Lự							
13		Pà Thên							
15		La Ha							
Tổng số									
xã Tênh Phong									
I Dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ							
2		Phù Lá							
3		La chí							
4		Kháng							
5		Hà Nhì							
6		Xinh -Mun							
7		Co							
8		Ta -ôi							
9		Cơ Tu							
10		Khơ Mú							
11		Bru- Vân Kiều							
12		Mnông							
13		Ra-Glai							
14		Xơ - đăng							
15	Xã Tênh Phong	Hmông			0			3	
16		Xtiêng							
17		Gia - Rai							
18		Dao							
19		Nùng							
20		Tày							
21		Sán Chay							
22		Lào							

23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II Dân tộc có khó khăn đặc thù										
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								
5		Sì La								
6		Công								
7		Bô Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chứt								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
Tổng số			0	0	0	0	0	3	0	0
xã Mùn Chung										
I Dân tộc còn gặp nhiều khó khăn										
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Cơ								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú						5		
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông						3		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								

32		Mạ								
II	ân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								
5		Sì La								
6		Cống								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Măng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	8	0	0
	xã Toả Tĩnh									
I	ân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Toả Tĩnh	Hmông			0			0		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	ân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								
5		Sì La								
6		Cống								
7		Bố Y								

8		Cơ Lao								
9		Măng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số									
	xã Chiềng Sinh									
I	h tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Cơ								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Chiềng Sinh	Hmông						2		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	ân tộc có khó khăn đặc thù									
1		O - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								
5		Sì La								
6		Công								
7		Bô Y								
8		Cơ Lao								
9		Măng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	2	0	0
	xã Chiềng Đông									

I	h tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Chiềng Đông	Hmông					1			
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	ân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ó - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								
5		Sì La								
6		Công								
7		Bô Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chứt								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	1	0	0
	xã Nà Sáy									
I	h tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								

9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông								
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II Dân tộc có khó khăn đặc thù										
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								
5		Si La								
6		Cống								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chứt								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
Tổng số										
xã Pú Nhung										
I Dân tộc còn gặp nhiều khó khăn										
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	xã Pú Nhung	Hmông		0			10			20
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								

18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II Dân tộc có khó khăn đặc thù										
1		Ô - đù								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								
5		Si La								
6		Cống								
7		Bô Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chứt								
12		Lự								
13		Pà Thẻn								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	10	0	0	20
xã Rạng Đông										
I Dân tộc còn gặp nhiều khó khăn										
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4	xã Rạng Đông	Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Rạng Đông	Hmông						3		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								

27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II Dân tộc có khó khăn đặc thù										
1		Ố - đù								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								
5		Si La								
6		Công								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chứt								
12		Lự								
13		Pà Thẻn								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	3	0	0
Xã Mường Khong										
I Dân tộc còn gặp nhiều khó khăn										
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Mường Khong	Hmông		0			0			
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II Dân tộc có khó khăn đặc thù										
1		Ố - đù								
2		Brâu								

3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								
5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Măng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
Xã Pú Xi										
I	h tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Pú Xi	Hmông			0			0		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	ân tộc có khó khăn đặc thù									
1		O - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								
5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Măng								
10		Lô Lô								
11		Chút								

12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
Xã Phình Sáng										
I	h tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2	Phình Sáng	Phù Lá		0			0			
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Phình Sáng	Hmông		0			0			
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	ân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								
5		Sì La								
6		Cống								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chứt								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
Xã Ta Ma										
I	h tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								

4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Ta Ma	Hmông			2			3		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II Dân tộc có khó khăn đặc thù										
1		Ơ - đù								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								
5		Sì La								
6		Cống								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chứt								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
Tổng số			0	0	2	0	0	3	0	0
Tên đơn vị cấp xã Nà Tông										
I Dân tộc còn gặp nhiều khó khăn										
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								

13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông			0					
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II Dân tộc có khó khăn đặc thù										
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								
5		Si La								
6		Cống								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chứt								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
Xã Quài Tở										
I Dân tộc còn gặp nhiều khó khăn										
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Cơ								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông								
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								

22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II Dân tộc có khó khăn đặc thù										
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								
5		Sì La								
6		Cống								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chứt								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
Tổng số			0	0	0	0	0	0	0	0
Xã Quài Nưa										
I Dân tộc còn gặp nhiều khó khăn										
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông								
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								

31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	ân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đù								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								
5		Sì La								
6		Công								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chứt								
12		Lự								
13		Pà Thẻn								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0

SỔ BỎ HỌC NĂM HỌC 2010 -2011

[illegible]

[illegible]

[illegible]

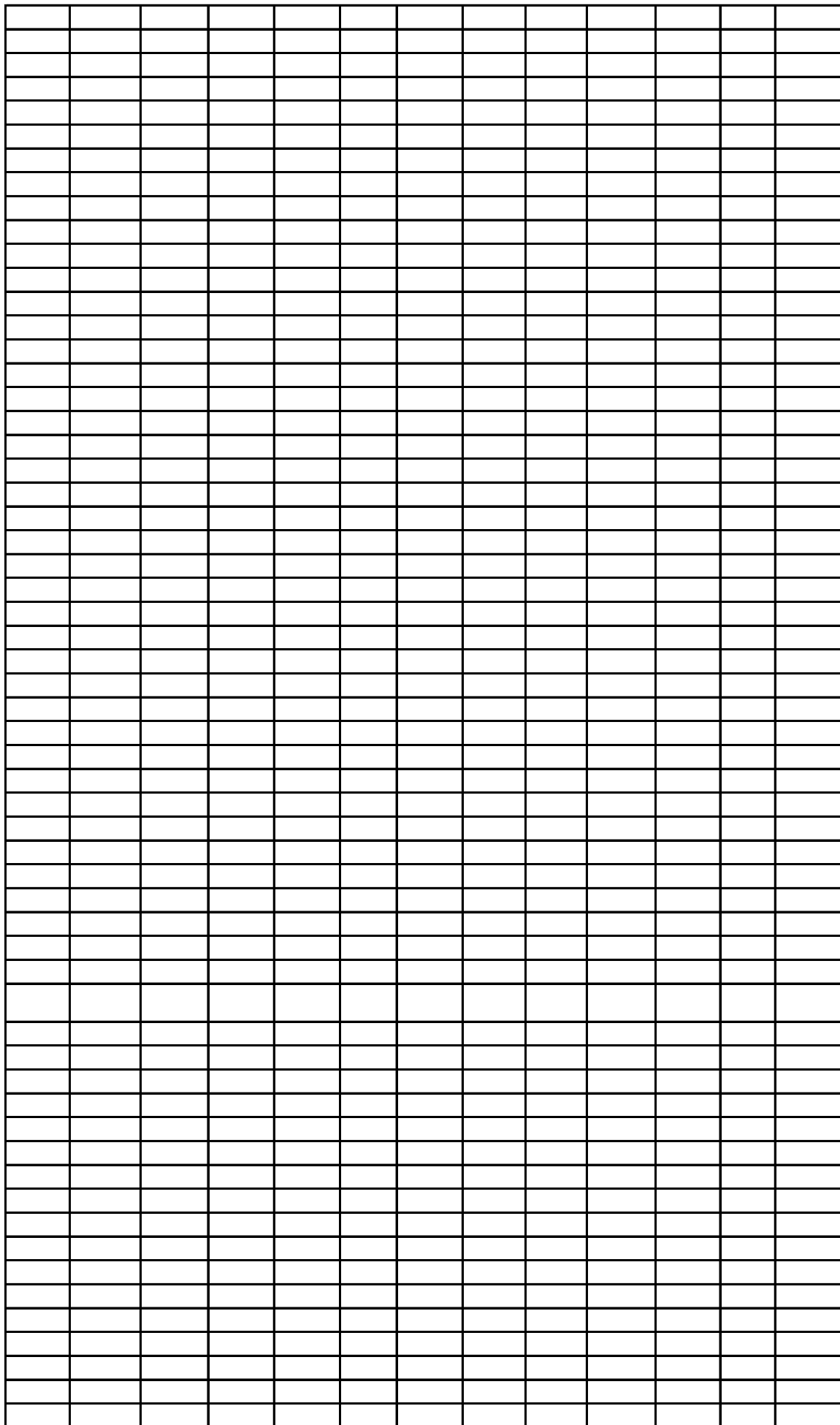
[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]



[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ B

[illegible]

[illegible]

[illegible]

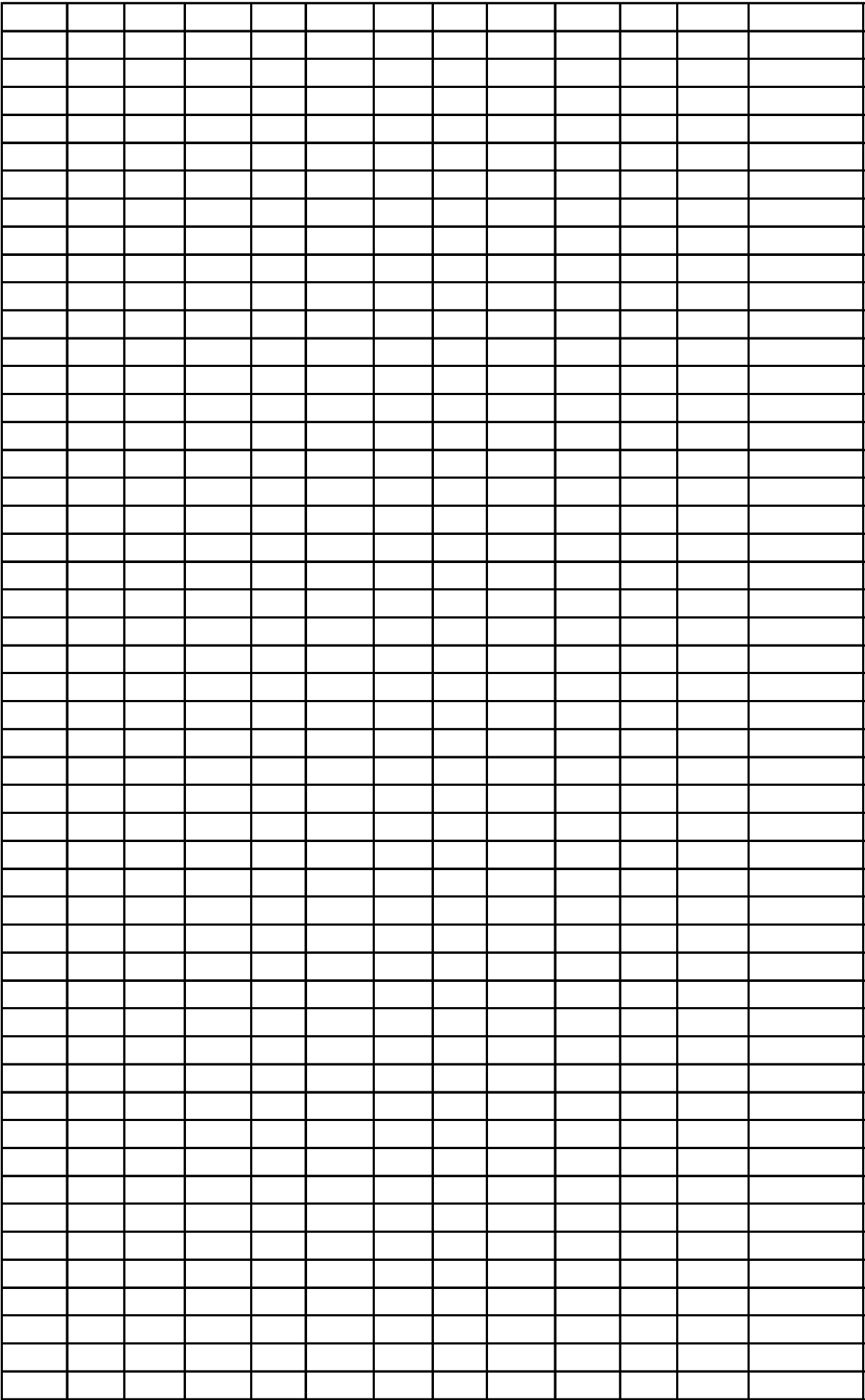
[illegible]

[illegible]

[illegible]

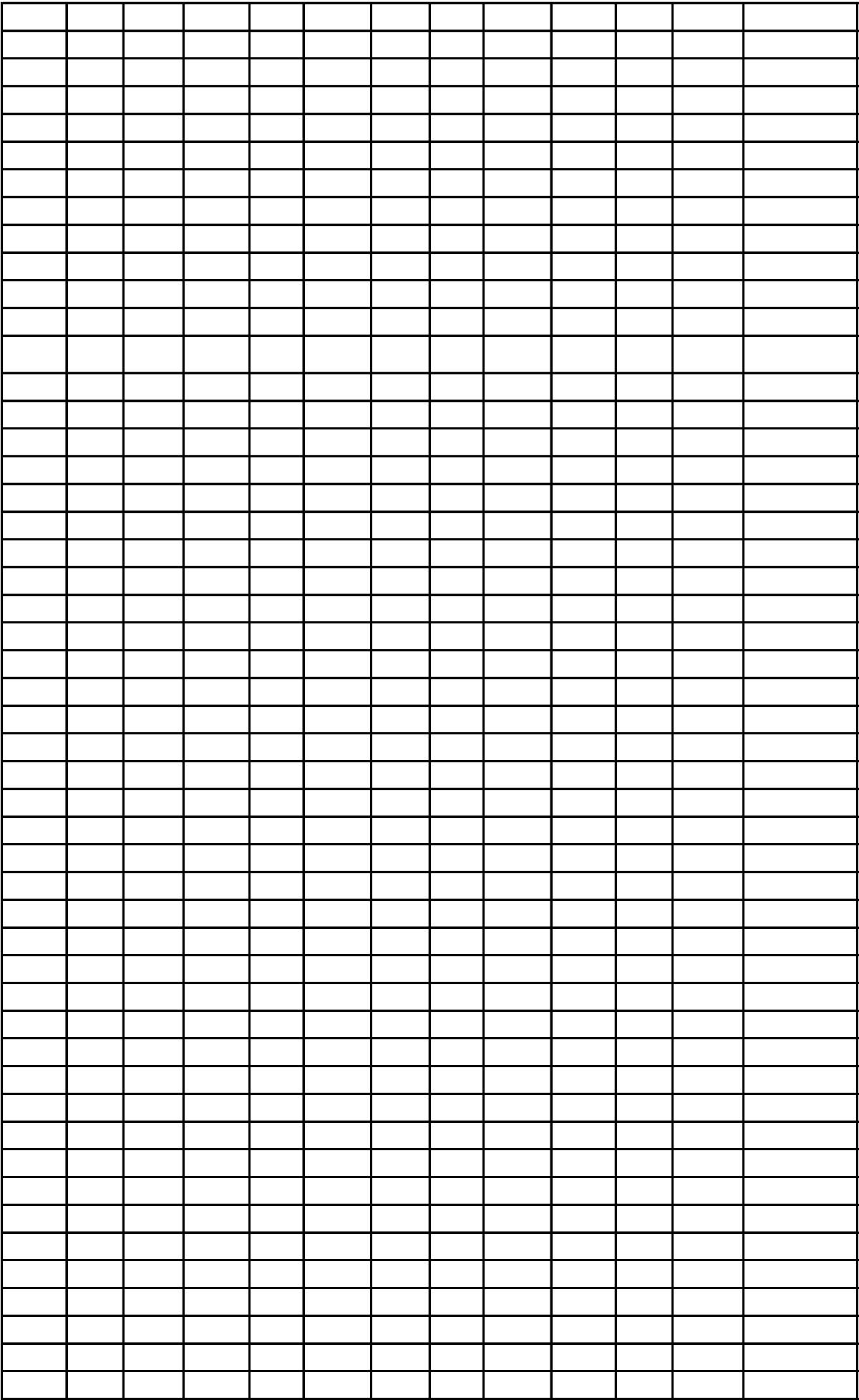
[illegible]

[illegible]



[illegible]

[illegible]



[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

10 khăn

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

lăn

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ

TT	Tên xã	Dân tộc	Số học sinh bỏ học cấp I			Số học sinh bỏ học cấp II			Số học sinh l cấp III	
			Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Khu vực I	Khu vực II
A	Huyện Tuần Giáo									
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ	0	0	0	0	0	0	0	0
2		Phù Lá	0	0	0	0	0	0	0	0
3		La chí	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tuần Giáo	Kháng	0	0	0	0	0	0	0	0
5		Hà Nhì	0	0	0	0	0	0	0	0
6		Xinh -Mun	0	0	0	0	0	0	0	0
7		Co	0	0	0	0	0	0	0	0
8		Ta -ôi	0	0	0	0	0	0	0	0
9		Cơ Tu	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Tuần Giáo	Khơ Mú	0	0	0	0	0	2	0	0
11		Bru- Vân Kiều	0	0	0	0	0	0	0	0
12		Mnông	0	0	0	0	0	0	0	0
13		Ra-Glai	0	0	0	0	0	0	0	0
14		Xơ - đăng	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Tuần Giáo	Hmông	0	0	3	0	22	12	0	29
16		Xtiêng	0	0	0	0	0	0	0	0
17		Gia - Rai	0	0	0	0	0	0	0	0
18		Dao	0	0	0	0	0	0	0	0
19		Nùng	0	0	0	0	0	0	0	0
20		Tày	0	0	0	0	0	0	0	0
21		Sán Chay	0	0	0	0	0	0	0	0
22		Lào	0	0	0	0	0	0	0	0
23		Giáy	0	0	0	0	0	0	0	0
24		Giê - Triêng	0	0	0	0	0	0	0	0
25		Mường	0	0	0	0	0	0	0	0
26		Ba - na	0	0	0	0	0	0	0	0
27		Hrê	0	0	0	0	0	0	0	0
28		Chăm	0	0	0	0	0	0	0	0
29		Ê-đê	0	0	0	0	0	0	0	0
30		Cơ - ho	0	0	0	0	0	0	0	0
31		Khơ -me	0	0	0	0	0	0	0	0
32		Mạ	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư	0	0	0	0	0	0	0	0
2		Brâu	0	0	0	0	0	0	0	0
3		Rơ - măm	0	0	0	0	0	0	0	0
4		Pu Péo	0	0	0	0	0	0	0	0
5		Si La	0	0	0	0	0	0	0	0

6		Cống	0	0	0	0	0	0	0	0
7		Bố Y	0	0	0	0	0	0	0	0
8		Cơ Lao	0	0	0	0	0	0	0	0
9		Mảng	0	0	0	0	0	0	0	0
10		Lô Lô	0	0	0	0	0	0	0	0
11		Chút	0	0	0	0	0	0	0	0
12		Lự	0	0	0	0	0	0	0	0
13		Pà Thên	0	0	0	0	0	0	0	0
15		La Ha	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng số		0	0	3	0	22	14	0	29
B	Chia theo từng xã									
	xã Quài Cang									
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Cơ								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông								
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số									
Xã Mường Mùn										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10	Xã Mường Mùn	Khơ Mú						1		
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông								
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ố - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số									
Xã Mường Thín										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông			0			0		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số									
xã Tênh Phong										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Tênh Phong	Hmông			0			1		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	1	0	0
xã Mùn Chung										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú						1		
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông								
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đù								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	1	0	0
xã Toả Tĩnh										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Toả Tĩnh	Hmông			0			0		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số									
xã Chiềng Sinh										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông								
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ố - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
xã Chiềng Đông										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Chiềng Đông	Hmông						1		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	1	0	0
xã Nà Sáy										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông								
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số									
xã Pú Nhung										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	xã Pú Nhung	Hmông		0			22			29
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	22	0	0	29
xã Rạng Đông										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4	Rạng Đông	Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Rạng Đông	Hmông						2		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	2	0	0
Xã Mường Khong										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Mường Khong	Hmông			0			0		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
Xã Pú Xi										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Pú Xi	Hmông			0			6		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ố - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
Xã Phình Sáng										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2	Phình Sáng	Phù Lá			0			0		
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Phình Sáng	Hmông			0			0		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
Xã Ta Ma										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Ta Ma	Hmông			3			2		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								

4		Pu Péo								
5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Măng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thén								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	3	0	0	2	0	0
Tên đơn vị cấp xã Nà Tông										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông			0			0		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								

4		Pu Péo								
5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Măng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thén								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
Xã Quài Tở										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông								
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								

4		Pu Péo								
5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Măng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thén								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
Xã Quài Nưa										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông								
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								

4		Pu Péo								
5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Măng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thén								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0

U SỞ BỎ HỌC NĂM HỌC 2013 -2014

[illegible]

[illegible]

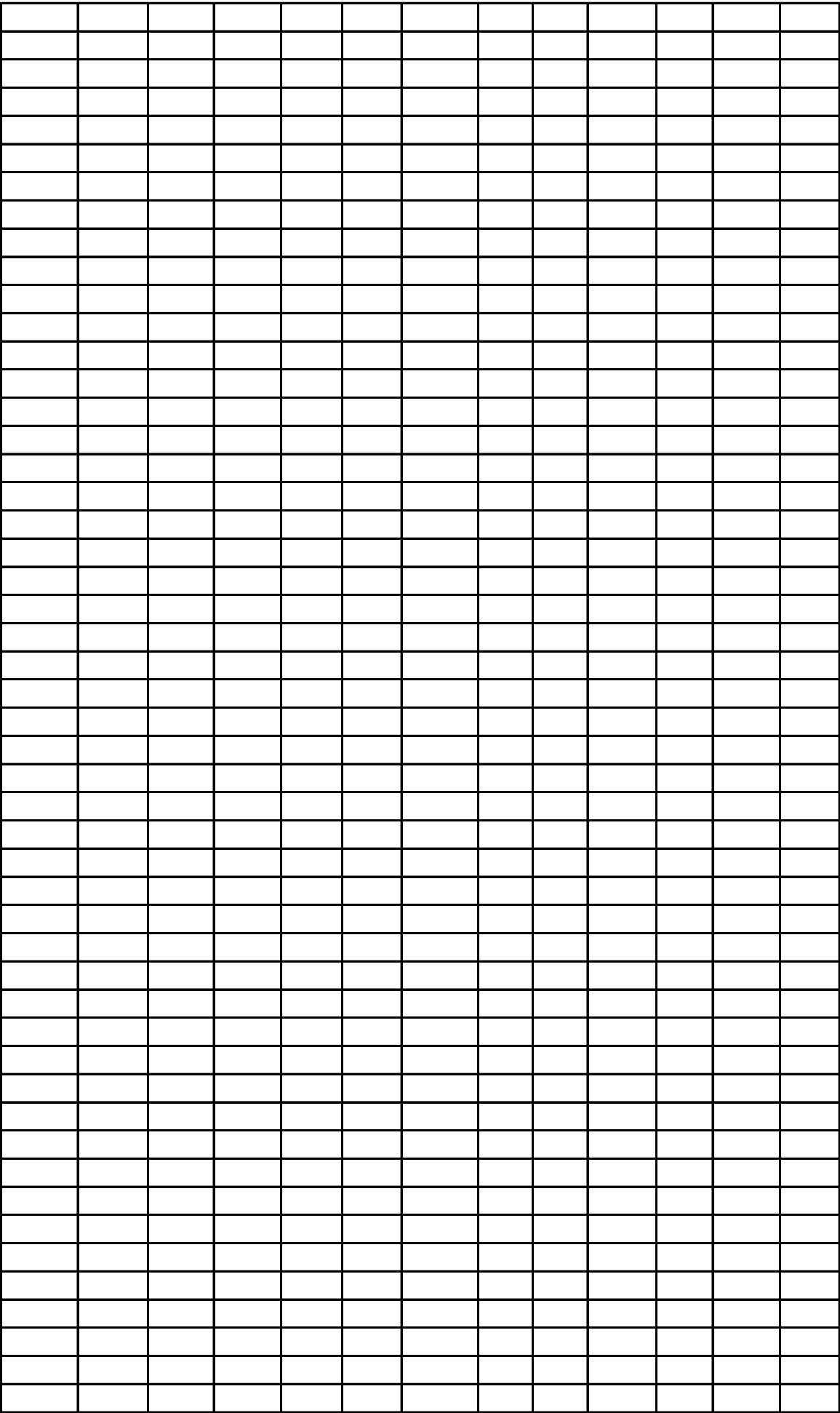
[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]



[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Hoàn cảnh khó khăn

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU HỌC SINH DÂN TỘC THI

TT	Tên xã	Dân tộc	Số học sinh bỏ học cấp I			Số học sinh bỏ học cấp II			Số học sinh t cấp III	
			Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Khu vực I	Khu vực II
A	Huyện Tuần Giáo									
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ	0	0	0	0	0	0	0	0
2		Phù Lá	0	0	0	0	0	0	0	0
3		La chí	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tuần Giáo	Kháng	0	0	0	0	0	0	0	0
5		Hà Nhì	0	0	0	0	0	0	0	0
6		Xinh -Mun	0	0	0	0	0	0	0	0
7		Co	0	0	0	0	0	0	0	0
8		Ta -ôi	0	0	0	0	0	0	0	0
9		Cơ Tu	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Tuần Giáo	Khơ Mú	0	0	0	0	0	0	0	0
11		Bru- Vân Kiều	0	0	0	0	0	0	0	0
12		Mnông	0	0	0	0	0	0	0	0
13		Ra-Glai	0	0	0	0	0	0	0	0
14		Xơ - đăng	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Tuần Giáo	Hmông	0	0	1	0	26	15	0	116
16		Xtiêng	0	0	0	0	0	0	0	0
17		Gia - Rai	0	0	0	0	0	0	0	0
18		Dao	0	0	0	0	0	0	0	0
19		Nùng	0	0	0	0	0	0	0	0
20		Tày	0	0	0	0	0	0	0	0
21		Sán Chay	0	0	0	0	0	0	0	0
22		Lào	0	0	0	0	0	0	0	0
23		Giáy	0	0	0	0	0	0	0	0
24		Giê - Triêng	0	0	0	0	0	0	0	0
25		Mường	0	0	0	0	0	0	0	0
26		Ba - na	0	0	0	0	0	0	0	0
27		Hrê	0	0	0	0	0	0	0	0
28		Chăm	0	0	0	0	0	0	0	0
29		Ê-đê	0	0	0	0	0	0	0	0
30		Cơ - ho	0	0	0	0	0	0	0	0
31		Khơ -me	0	0	0	0	0	0	0	0
32		Mạ	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư	0	0	0	0	0	0	0	0
2		Brâu	0	0	0	0	0	0	0	0
3		Rơ - măm	0	0	0	0	0	0	0	0
4		Pu Péo	0	0	0	0	0	0	0	0
5		Sì La	0	0	0	0	0	0	0	0

6		Cống	0	0	0	0	0	0	0	0
7		Bố Y	0	0	0	0	0	0	0	0
8		Cơ Lao	0	0	0	0	0	0	0	0
9		Màng	0	0	0	0	0	0	0	0
10		Lô Lô	0	0	0	0	0	0	0	0
11		Chút	0	0	0	0	0	0	0	0
12		Lự	0	0	0	0	0	0	0	0
13		Pà Thên	0	0	0	0	0	0	0	0
15		La Ha	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng số		0	0	1	0	26	15	0	116
B	Chia theo từng xã									
xã Quài Cang										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông								
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bồ Y								
8		Cơ Lao								
9		Máng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số									
Xã Mường Mùn										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10	Xã Mường Mùn	Khơ Mú			0			0		
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Mường Mùn	Hmông			0			0		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bồ Y								
8		Cơ Lao								
9		Máng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số									
Xã Mường Thín										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông			0			0		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bồ Y								
8		Cơ Lao								
9		Máng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số									
xã Tênh Phong										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Tênh Phong	Hmông			0			1		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đù								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bồ Y								
8		Cơ Lao								
9		Máng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	1	0	0
xã Mùn Chung										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông								
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bồ Y								
8		Cơ Lao								
9		Máng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
xã Toả Tĩnh										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Toả Tĩnh	Hmông			0			0		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bồ Y								
8		Cơ Lao								
9		Máng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số									
xã Chiềng Sinh										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông								
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bồ Y								
8		Cơ Lao								
9		Máng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
xã Chiềng Đông										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Chiềng Đông	Hmông						1		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bồ Y								
8		Cơ Lao								
9		Máng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	1	0	0
xã Nà Sáy										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông								
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bồ Y								
8		Cơ Lao								
9		Máng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số									
xã Pú Nhung										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	xã Pú Nhung	Hmông		0			26			116
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bồ Y								
8		Cơ Lao								
9		Máng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	26	0	0	116
xã Rạng Đông										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Rạng Đông	Hmông						2		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bồ Y								
8		Cơ Lao								
9		Máng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	2	0	0
Xã Mường Khong										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Mường Khong	Hmông			0			0		
16		Xtieng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bồ Y								
8		Cơ Lao								
9		Máng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
Xã Pú Xi										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Pú Xi	Hmông			0			7		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bồ Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
Xã Phình Sáng										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2	Phình Sáng	Phù Lá			0			0		
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Phình Sáng	Hmông			0			0		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bồ Y								
8		Cơ Lao								
9		Máng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
Xã Ta Ma										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Ta Ma	Hmông			1			2		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bồ Y								
8		Cơ Lao								
9		Máng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	1	0	0	2	0	0
Tên đơn vị cấp xã Nà Tông										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông			0			2		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bồ Y								
8		Cơ Lao								
9		Máng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	2	0	0
Xã Quài Tở										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông								
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bồ Y								
8		Cơ Lao								
9		Máng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
Xã Quài Nưa										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông								
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bồ Y								
8		Cơ Lao								
9		Mãng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0

ỀU SỐ BỔ HỌC NĂM HỌC 2014 -2015

[illegible]

[illegible]

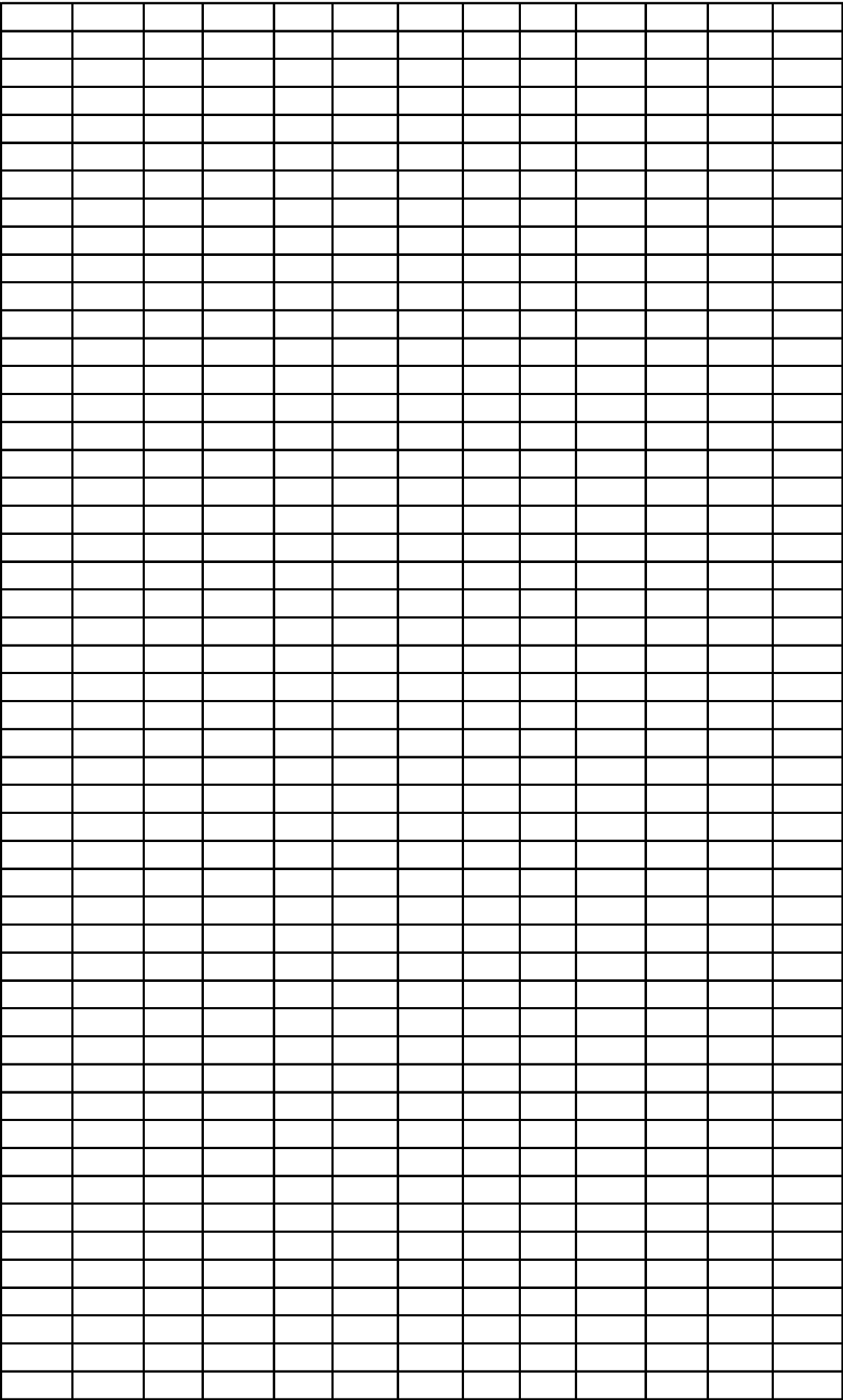
[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]



[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Hoàn cảnh khó khăn

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ

[illegible]

24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ố - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								
5		Si La								
6		Cống								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chứt								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số									
xã Tênh Phong										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
12	Xã Tênh Phong	Hmông			0			1		4
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								

[illegible]

BỔ HỌC NĂM HỌC 2015 -2016

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU HỌC SINH DÂN TỘC THI

TT	Tên xã	Dân tộc	Số học sinh bỏ học cấp I			Số học sinh bỏ học cấp II			Số học sinh t cấp III	
			Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Khu vực I	Khu vực II
A	Huyện Tuần Giáo									
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ	0	0	0	0	0	0	0	0
2		Phù Lá	0	0	0	0	0	0	0	0
3		La chí	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tuần Giáo	Kháng	0	0	0	0	0	0	0	0
5		Hà Nhì	0	0	0	0	0	0	0	0
6		Xinh -Mun	0	0	0	0	0	0	0	0
7		Co	0	0	0	0	0	0	0	0
8		Ta -ôi	0	0	0	0	0	0	0	0
9		Cơ Tu	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Tuần Giáo	Khơ Mú	0	0	0	0	0	4	0	0
11		Bru- Vân Kiều	0	0	0	0	0	0	0	0
12		Mnông	0	0	0	0	0	0	0	0
13		Ra-Glai	0	0	0	0	0	0	0	0
14		Xơ - đăng	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Tuần Giáo	Hmông	0	0	2	0	0	23	0	43
16		Xiêng	0	0	0	0	0	0	0	0
17		Gia - Rai	0	0	0	0	0	0	0	0
18		Dao	0	0	0	0	0	0	0	0
19		Nùng	0	0	0	0	0	0	0	0
20		Tày	0	0	0	0	0	0	0	0
21		Sán Chay	0	0	0	0	0	0	0	0
22		Lào	0	0	0	0	0	0	0	0
23		Giáy	0	0	0	0	0	0	0	0
24		Giê - Triêng	0	0	0	0	0	0	0	0
25		Mường	0	0	0	0	0	0	0	0
26		Ba - na	0	0	0	0	0	0	0	0
27		Hrê	0	0	0	0	0	0	0	0
28		Chăm	0	0	0	0	0	0	0	0
29		Ê-đê	0	0	0	0	0	0	0	0
30		Cơ - ho	0	0	0	0	0	0	0	0
31		Khơ -me	0	0	0	0	0	0	0	0
32		Mạ	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư	0	0	0	0	0	0	0	0
2		Brâu	0	0	0	0	0	0	0	0
3		Rơ - măm	0	0	0	0	0	0	0	0
4		Pu Páo	0	0	0	0	0	0	0	0
5		Sì La	0	0	0	0	0	0	0	0
6		Cống	0	0	0	0	0	0	0	0

7		Bố Y	0	0	0	0	0	0	0	0
8		Cơ Lao	0	0	0	0	0	0	0	0
9		Mảng	0	0	0	0	0	0	0	0
10		Lô Lô	0	0	0	0	0	0	0	0
11		Chứt	0	0	0	0	0	0	0	0
12		Lự	0	0	0	0	0	0	0	0
13		Pà Thên	0	0	0	0	0	0	0	0
15		La Ha	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng số		0	0	2	0	0	27	0	43
B	Chia theo từng xã									
	xã Quài Cang									
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông								
16		Xiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giẻ - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Páo								
5		Si La								

6		Cổng							
7		Bố Y							
8		Cơ Lao							
9		Mãng							
10		Lô Lô							
11		Chút							
12		Lự							
13		Pà Thên							
15		La Ha							
	Tổng số								
Xã Mường Mùn									
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn								
1		La Hủ							
2		Phù Lá							
3		La chí							
4		Kháng							
5		Hà Nhì							
6		Xinh -Mun							
7		Co							
8		Ta -ôi							
9		Cơ Tu							
10	Xã Mường Mùn	Khơ Mú			0			3	
11		Bru- Vân Kiều							
12		Mnông							
13		Ra-Glai							
14		Xơ - đăng							
15	Xã Mường Mùn	Hmông			0			3	
16		Xtiêng							
17		Gia - Rai							
18		Dao							
19		Nùng							
20		Tày							
21		Sán Chay							
22		Lào							
23		Giáy							
24		Giê - Triêng							
25		Mường							
26		Ba - na							
27		Hrê							
28		Chăm							
29		Ê-đê							
30		Cơ - ho							
31		Khơ -me							
32		Mạ							
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù								
1		Ơ - đư							
2		Brâu							
3		Rơ - măm							
4		Pu Páo							
5		Sì La							

6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mãng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số									
Xã Mường Thín										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông			0			0		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Páo								
5		Si La								

6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mãng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số									
xã Tênh Phong										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Tênh Phong	Hmông			0			4		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								
5		Si La								

6		Cống								
7		Bồ Y								
8		Cơ Lao								
9		Mãng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	4	0	0
xã Mùn Chung										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú						1		
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông						1		
16		Xiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Páo								
5		Si La								

6		Cổng								
7		Bồ Y								
8		Cơ Lao								
9		Mãng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	2	0	0
xã Toả Tĩnh										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Tỏa Tĩnh	Hmông			0			0		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								
5		Si La								

6		Cống								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mãng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số									
xã Chiềng Sinh										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông								
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giẻ - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Páo								
5		Sì La								

6		Cống								
7		Bồ Y								
8		Cơ Lao								
9		Mãng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
xã Chiềng Đông										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Chiềng Đông	Hmông						1		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Páo								
5		Si La								

6		Cống								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mãng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	1	0	0
xã Nà Sáy										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông								
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giẻ - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Páo								
5		Sì La								

6		Cống							
7		Bồ Y							
8		Cơ Lao							
9		Mãng							
10		Lô Lô							
11		Chút							
12		Lự							
13		Pà Thên							
15		La Ha							
	Tổng số	Tổng							
xã Pú Nhung									
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn								
1		La Hù							
2		Phù Lá							
3		La chí							
4		Kháng							
5		Hà Nhì							
6		Xinh -Mun							
7		Co							
8		Ta -ôi							
9		Cơ Tu							
10		Khơ Mú							
11		Bru- Vân Kiều							
12		Mnông							
13		Ra-Glai							
14		Xơ - đăng							
15	Xã Pú Nhung	Hmông		0			0		43
16		Xtiêng							
17		Gia - Rai							
18		Dao							
19		Nùng							
20		Tày							
21		Sán Chay							
22		Lào							
23		Giáy							
24		Giê - Triêng							
25		Mường							
26		Ba - na							
27		Hrê							
28		Chăm							
29		Ê-đê							
30		Cơ - ho							
31		Khơ -me							
32		Mạ							
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù								
1		Ơ - đư							
2		Brâu							
3		Rơ - măm							
4		Pu Péo							
5		Si La							

6		Cống								
7		Bồ Y								
8		Cơ Lao								
9		Mãng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	43
xã Rạng Đông										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Rạng Đông	Hmông						2		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Páo								
5		Sì La								

6		Cống								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mãng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	2	0	0
Xã Mường Khong										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Mường Khong	Hmông			0			0		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Páo								
5		Si La								

6		Cống								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mãng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
Xã Pú Xi										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Pú Xi	Hmông			0			8		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Páo								
5		Sì La								

6		Cống								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mãng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
Xã Phình Sáng										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2	Phình Sáng	Phù Lá			0			0		
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Phình Sáng	Hmông			0			0		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Páo								
5		Si La								

6		Cổng								
7		Bồ Y								
8		Cơ Lao								
9		Mãng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
Xã Ta Ma										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Ta Ma	Hmông			2			3		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Páo								
5		Si La								

6		Cống								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mãng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	2	0	0	3	0	0
Tên đơn vị cấp xã Nhà Tông										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông			0			1		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Páo								
5		Sì La								

6		Cống								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mãng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	1	0	0
Xã Quài Tở										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông								
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giẻ - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Páo								
5		Si La								

6		Cống								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mãng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
Xã Quài Nưa										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông								
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giẻ - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								
5		Si La								

6		Cổng								
7		Bồ Y								
8		Cơ Lao								
9		Mãng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0

ỀU SỐ BỔ HỌC NĂM HỌC 2016 -2017

[illegible]

[illegible]

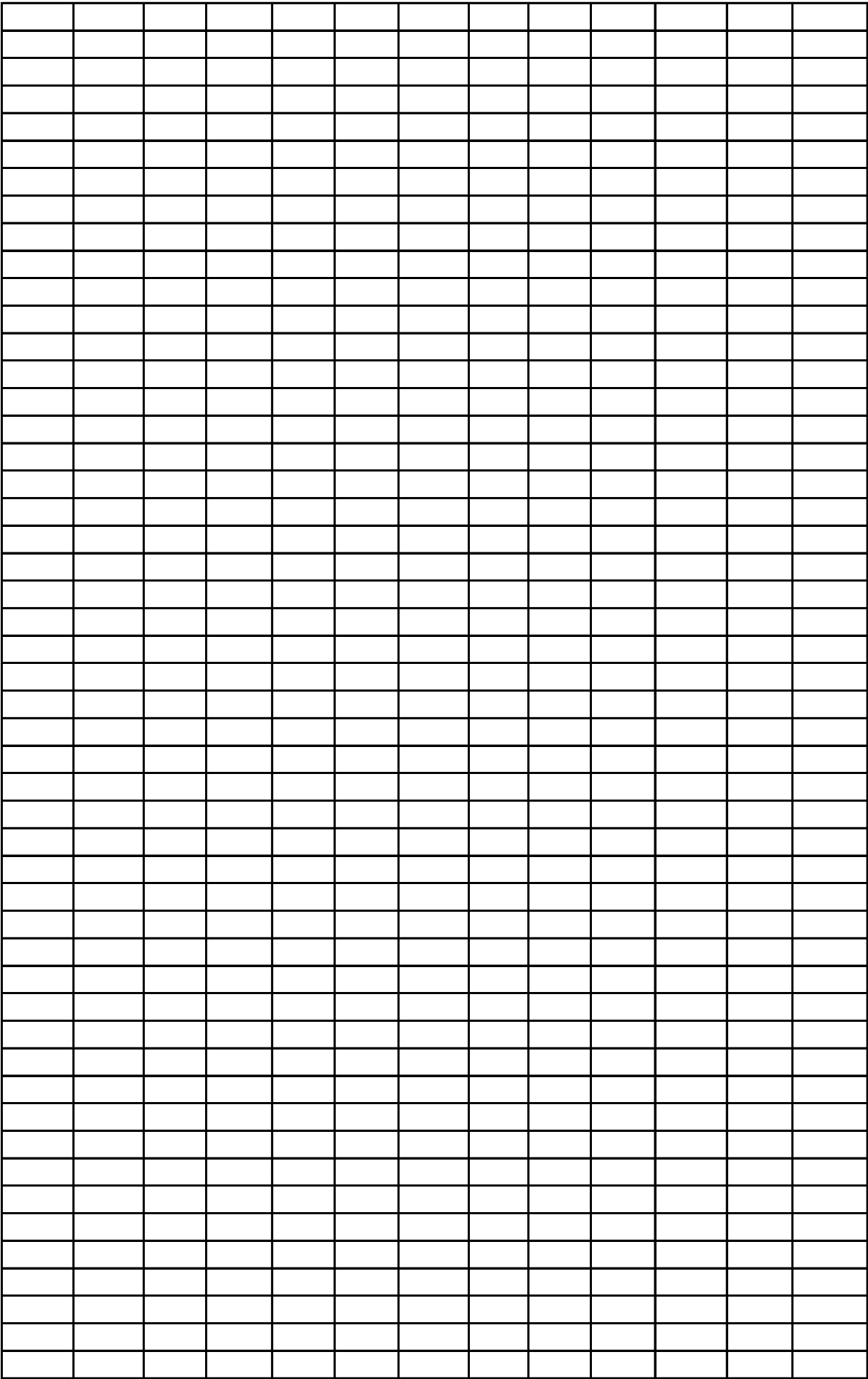
[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]



[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Hoàn cảnh khó khăn

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ

TT	Tên xã	Dân tộc	Số học sinh bỏ học cấp I			Số học sinh bỏ học cấp II			Số học sinh bỏ học cấp III	
			Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Khu vực I	Khu vực II
A	Huyện Tuần Giáo									
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ	0	0	0	0	0	0	0	0
2		Phù Lá	0	0	0	0	0	0	0	0
3		La chí	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tuần Giáo	Kháng	0	0	0	0	0	0	0	0
5		Hà Nhì	0	0	0	0	0	0	0	0
6		Xinh -Mun	0	0	0	0	0	0	0	0
7		Co	0	0	0	0	0	0	0	0
8		Ta -ôi	0	0	0	0	0	0	0	0
9		Cơ Tu	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Tuần Giáo	Khơ Mú	0	0	0	0	0	1	0	0
11		Bru- Vân Kiều	0	0	0	0	0	0	0	0
12		Mnông	0	0	0	0	0	0	0	0
13		Ra-Glai	0	0	0	0	0	0	0	0
14		Xơ - đăng	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Tuần Giáo	Hmông	0	0	1	0	0	11	0	0
16		Xtiêng	0	0	0	0	0	0	0	0
17		Gia - Rai	0	0	0	0	0	0	0	0
18		Dao	0	0	0	0	0	0	0	0
19		Nùng	0	0	0	0	0	0	0	0
20		Tày	0	0	0	0	0	0	0	0
21		Sán Chay	0	0	0	0	0	0	0	0
22		Lào	0	0	0	0	0	0	0	0
23		Giáy	0	0	0	0	0	0	0	0
24		Giê - Triêng	0	0	0	0	0	0	0	0
25		Mường	0	0	0	0	0	0	0	0
26		Ba - na	0	0	0	0	0	0	0	0
27		Hrê	0	0	0	0	0	0	0	0
28		Chăm	0	0	0	0	0	0	0	0
29		Ê-đê	0	0	0	0	0	0	0	0
30		Cơ - ho	0	0	0	0	0	0	0	0
31		Khơ -me	0	0	0	0	0	0	0	0
32		Mạ	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ô - đù	0	0	0	0	0	0	0	0
2		Brâu	0	0	0	0	0	0	0	0
3		Rơ - măm	0	0	0	0	0	0	0	0
4		Pu Péo	0	0	0	0	0	0	0	0
5		Si La	0	0	0	0	0	0	0	0

6		Cống	0	0	0	0	0	0	0	0
7		Bồ Y	0	0	0	0	0	0	0	0
8		Cơ Lao	0	0	0	0	0	0	0	0
9		Mảng	0	0	0	0	0	0	0	0
10		Lô Lô	0	0	0	0	0	0	0	0
11		Chút	0	0	0	0	0	0	0	0
12		Lự	0	0	0	0	0	0	0	0
13		Pà Thên	0	0	0	0	0	0	0	0
15		La Ha	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng số		0	0	1	0	0	12	0	0
B	Chia theo từng xã									
	xã Quài Cang									
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Cơ								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông								
16		Xiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Páo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Máng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số									
Xã Mường Mùn										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10	Xã Mường Mùn	Khơ Mú			0			0		
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Mường Mùn	Hmông			0			0		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Páo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số									
Xã Mường Thín										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông			0			0		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giẻ - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Páo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số									
xã Tênh Phong										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Tênh Phong	Hmông			0			1		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giẻ - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Máng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	1	0	0
xã Mùn Chung										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú						1		
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông								
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giẻ - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đù								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Páo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Máng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	1	0	0
xã Toã Tỉnh										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Tỏa Tỉnh	Hmông			0			0		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giẻ - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Páo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số									
xã Chiềng Sinh										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông								
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Páo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Máng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
xã Chiềng Đông										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Chiềng Đông	Hmông						0		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giẻ - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Páo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
xã Nà Sáy										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông								
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Páo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số									
xã Pú Nhung										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Pú Nhung	Hmông			0			0		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giẻ - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đù								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
xã Rạng Đông										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Rạng Đông	Hmông					2			
16		Xiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Páo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Máng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	2	0	0
Xã Mường Khong										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Mường Khong	Hmông			0			0		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giẻ - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Páo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Máng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
Xã Pú Xi										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Pú Xi	Hmông			0			7		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ố - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Páo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
Xã Phình Sáng										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2	Phình Sáng	Phù Lá			0			0		
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Phình Sáng	Hmông			0			0		
16		Xiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ố - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Páo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
Xã Ta Ma										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Cơ								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Ta Ma	Hmông			1			1		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								

4		Pu Péo								
5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	1	0	0	1	0	0
Tên đơn vị cấp xã Nà Tòng										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông			0			0		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đù								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								

4		Pu Péo								
5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
Xã Quài Tở										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông								
16		Xiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đù								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								

4		Pu Péo								
5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
Xã Quài Nưa										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông								
16		Xiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								

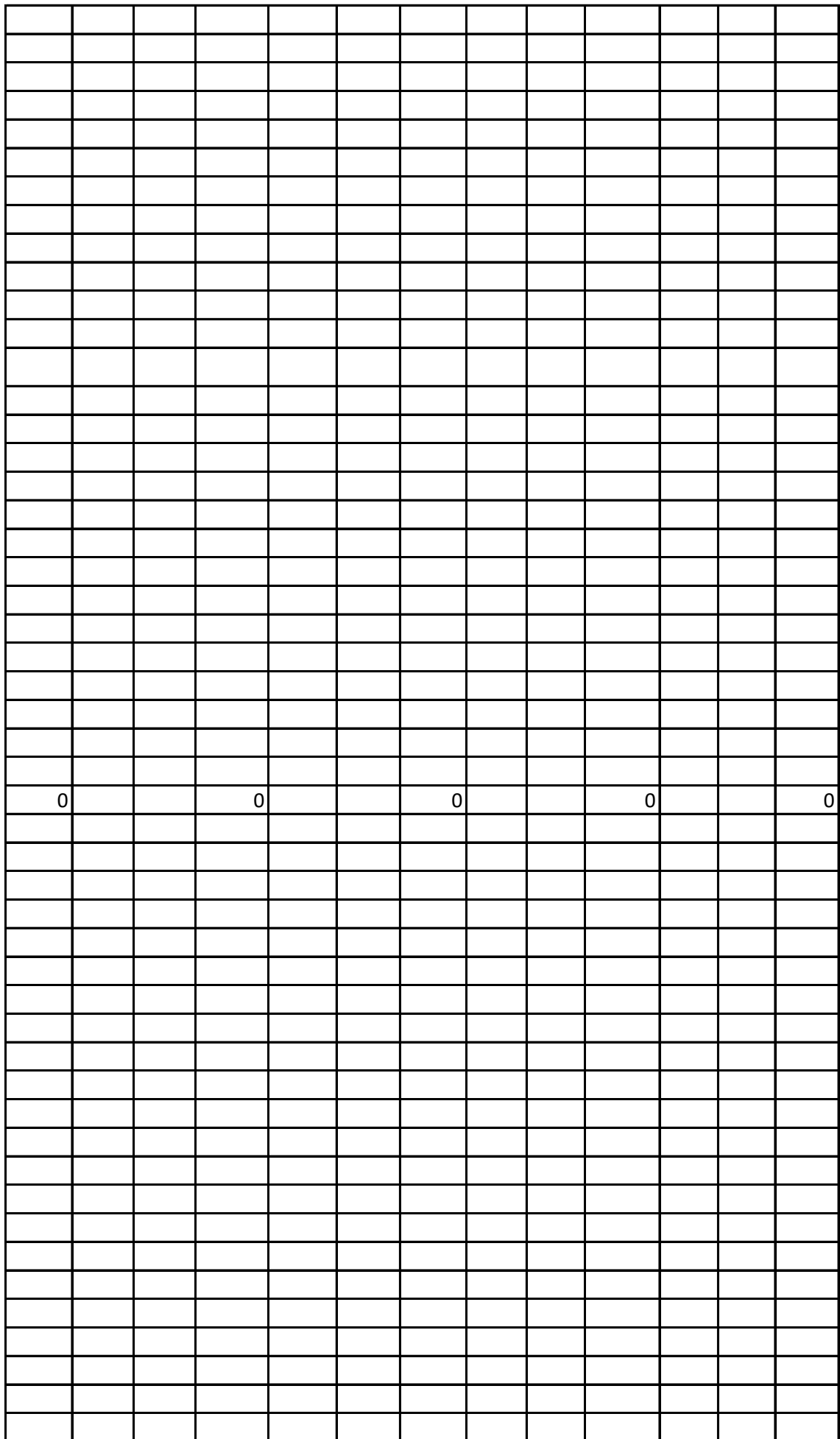
4		Pu Péo								
5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mãng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0

U SỞ BỎ HỌC NĂM HỌC 2017 -2018

[illegible]

[illegible]

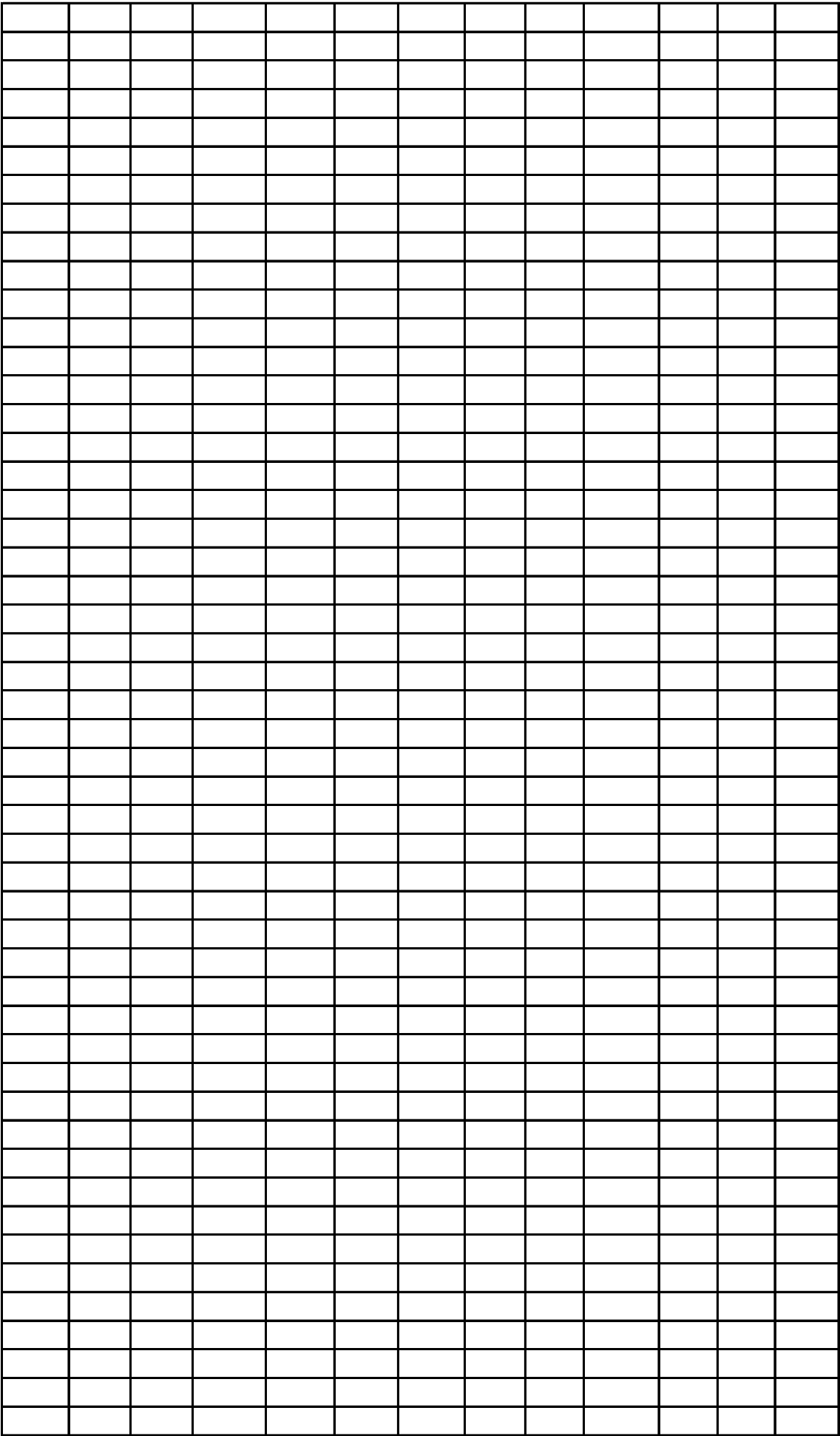
[illegible]



[illegible]

[illegible]

[illegible]



[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Hoàn cảnh khó khăn

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ B

[illegible]

[illegible]

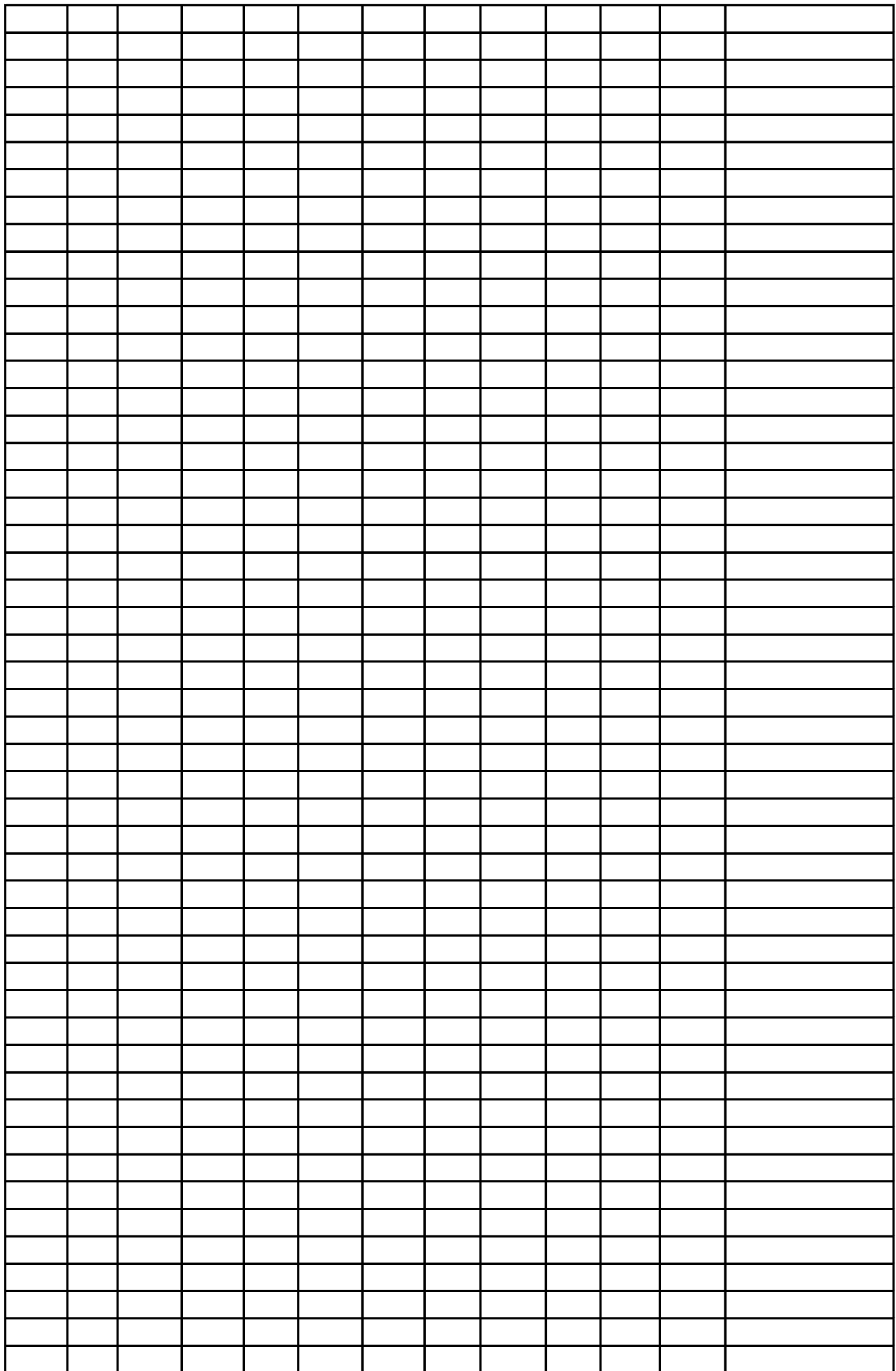
[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]



[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

1

[illegible]

[illegible]

[illegible]

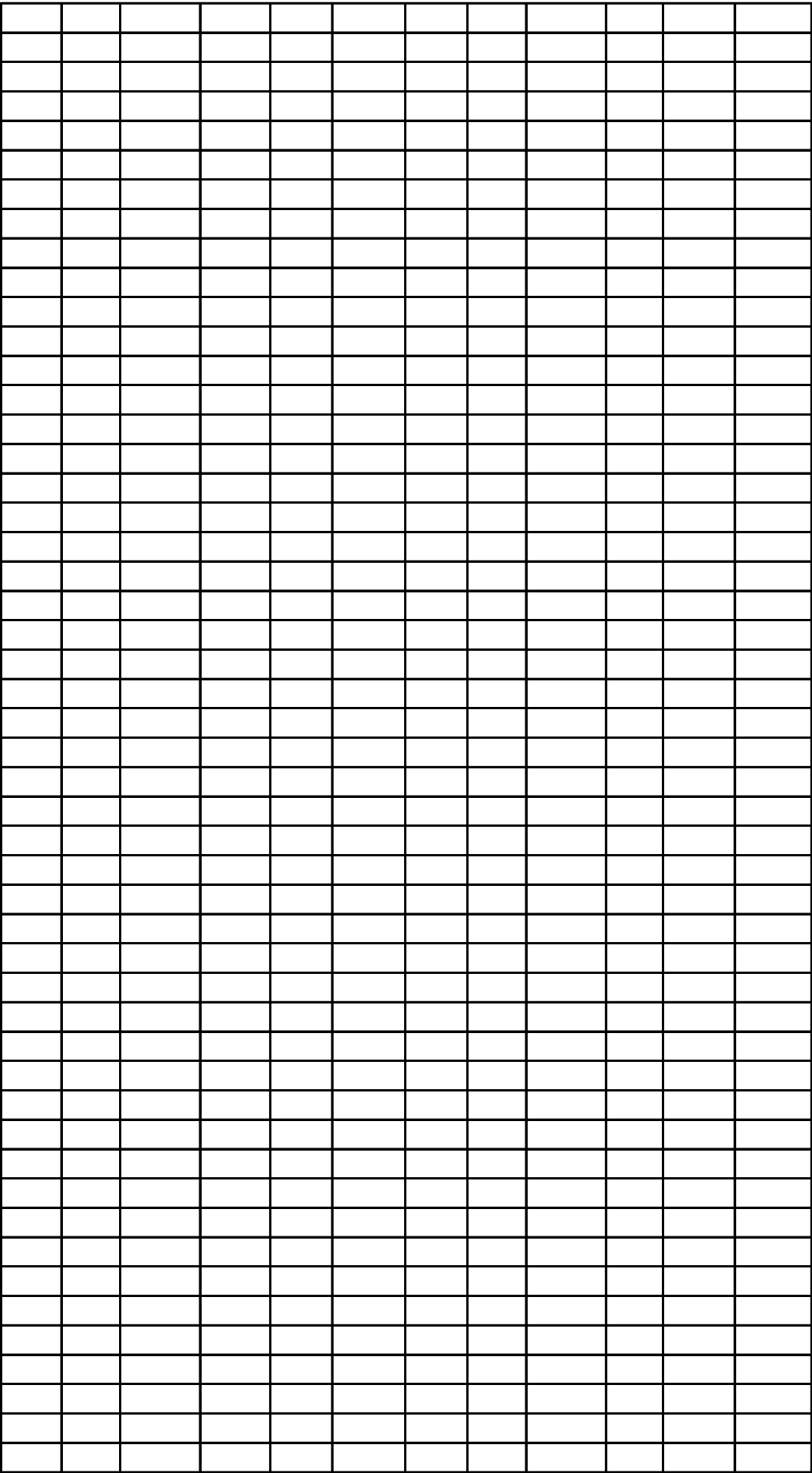
[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]



[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU

TT	Tên xã	Dân tộc	Số học sinh bỏ học cấp I			Số học sinh bỏ học cấp II			Số học sinh bỏ học cấp III	
			Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Khu vực I	Khu vực II
A	Huyện Tuần Giáo									
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ	0	0	0	0	0	0	0	0
2		Phù Lá	0	0	0	0	0	0	0	0
3		La chí	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tuần Giáo	Kháng	0	0	0	0	0	1	0	0
5		Hà Nhì	0	0	0	0	0	0	0	0
6		Xinh -Mun	0	0	0	0	0	0	0	0
7		Co	0	0	0	0	0	0	0	0
8		Ta -ôi	0	0	0	0	0	0	0	0
9		Cơ Tu	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Tuần Giáo	Khơ Mú	0	0	0	0	0	0	0	0
11		Bru- Vân Kiều	0	0	0	0	0	0	0	0
12		Mnông	0	0	0	0	0	0	0	0
13		Ra-Glai	0	0	0	0	0	0	0	0
14		Xơ - đăng	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Tuần Giáo	Hmông	0	0	0	0	0	20	0	0
16		Xtiêng	0	0	0	0	0	0	0	0
17		Gia - Rai	0	0	0	0	0	0	0	0
18		Dao	0	0	0	0	0	0	0	0
19		Nùng	0	0	0	0	0	0	0	0
20		Tày	0	0	0	0	0	0	0	0
21		Sán Chay	0	0	0	0	0	0	0	0
22		Lào	0	0	0	0	0	0	0	0
23		Giáy	0	0	0	0	0	0	0	0
24		Giê - Triêng	0	0	0	0	0	0	0	0
25		Mường	0	0	0	0	0	0	0	0
26		Ba - na	0	0	0	0	0	0	0	0
27		Hrê	0	0	0	0	0	0	0	0
28		Chăm	0	0	0	0	0	0	0	0
29		Ê-đê	0	0	0	0	0	0	0	0
30		Cơ - ho	0	0	0	0	0	0	0	0
31		Khơ-me	0	0	0	0	0	0	0	0
32		Mạ	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		O - đư	0	0	0	0	0	0	0	0
2		Brâu	0	0	0	0	0	0	0	0
3		Rơ - măm	0	0	0	0	0	0	0	0
4		Pu Péo	0	0	0	0	0	0	0	0
5		Si La	0	0	0	0	0	0	0	0

6		Cống	0	0	0	0	0	0	0	0
7		Bồ Y	0	0	0	0	0	0	0	0
8		Cơ Lao	0	0	0	0	0	0	0	0
9		Màng	0	0	0	0	0	0	0	0
10		Lô Lô	0	0	0	0	0	0	0	0
11		Chút	0	0	0	0	0	0	0	0
12		Lự	0	0	0	0	0	0	0	0
13		Pà Thên	0	0	0	0	0	0	0	0
15		La Ha	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng số		0	0	0	0	0	21	0	0
B	Chia theo từng xã									
xã Quài Cang										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông								
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bổ Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số									
Xã Mường Mùn										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10	Xã Mường Mùn	Khơ Mú			0			0		
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Mường Mùn	Hmông			0			0		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bồ Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số									
Xã Mường Thín										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông			0			1		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bổ Y								
8		Cơ Lao								
9		Máng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số									
xã Tênh Phong										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Tênh Phong	Hmông			0			0		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đù								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bồ Y								
8		Cơ Lao								
9		Máng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
xã Mùn Chung										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hù								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú						0		
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông						1		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								
4		Pu Péo								

5		Si La								
6		Cổng								
7		Bổ Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	1	0	0
xã Toả Tĩnh										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Tỏa Tĩnh	Hmông			0			0		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								

4		Pu Péo								
5		Sì La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số									
xã Chiềng Sinh										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông								
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		O - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								

4		Pu Péo								
5		Sì La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
xã Chiềng Đông										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Chiềng Đông	Hmông						0		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		O - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								

4		Pu Péo								
5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
xã Nà Sáy										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông								
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		O - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								

4		Pu Péo								
5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số									
xã Pú Nhung										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông			0			5		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		O - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								

4		Pu Péo								
5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	5	0	0
xã Rạng Đông										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng						1		
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông						3		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		O - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								

4		Pu Péo								
5		Sì La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	4	0	0
Xã Mường Khong										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Mường Khong	Hmông			0			0		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		O - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								

4		Pu Péo								
5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
Xã Pú Xi										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đâng								
15	Xã Pú Xi	Hmông			0			8		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		O - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								

4		Pu Péo								
5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
Xã Phình Sáng										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2	Phình Sáng	Phù Lá			0			0		
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đâng								
15	Phình Sáng	Hmông			0			0		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		O - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								

4		Pu Péo								
5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
Xã Ta Ma										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15	Xã Ta Ma	Hmông			0			0		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		Ơ - đư								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								

4		Pu Péo								
5		Si La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
Tên đơn vị cấp xã Nà Tông										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đâng								
15		Hmông			0			2		
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		O - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								

4		Pu Péo								
5		Sì La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	2	0	0
Xã Quài Tở										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông								
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		O - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								

4		Pu Péo								
5		Sì La								
6		Cổng								
7		Bố Y								
8		Cơ Lao								
9		Mảng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0
Xã Quài Nưa										
I	Các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn									
1		La Hủ								
2		Phù Lá								
3		La chí								
4		Kháng								
5		Hà Nhì								
6		Xinh -Mun								
7		Co								
8		Ta -ôi								
9		Cơ Tu								
10		Khơ Mú								
11		Bru- Vân Kiều								
12		Mnông								
13		Ra-Glai								
14		Xơ - đăng								
15		Hmông								
16		Xtiêng								
17		Gia - Rai								
18		Dao								
19		Nùng								
20		Tày								
21		Sán Chay								
22		Lào								
23		Giáy								
24		Giê - Triêng								
25		Mường								
26		Ba - na								
27		Hrê								
28		Chăm								
29		Ê-đê								
30		Cơ - ho								
31		Khơ -me								
32		Mạ								
II	Các dân tộc có khó khăn đặc thù									
1		O - đu								
2		Brâu								
3		Rơ - măm								

4		Pu Péo								
5		Sì La								
6		Cổng								
7		Bồ Y								
8		Cơ Lao								
9		Mãng								
10		Lô Lô								
11		Chút								
12		Lự								
13		Pà Thên								
15		La Ha								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0

1

[illegible]

[illegible]

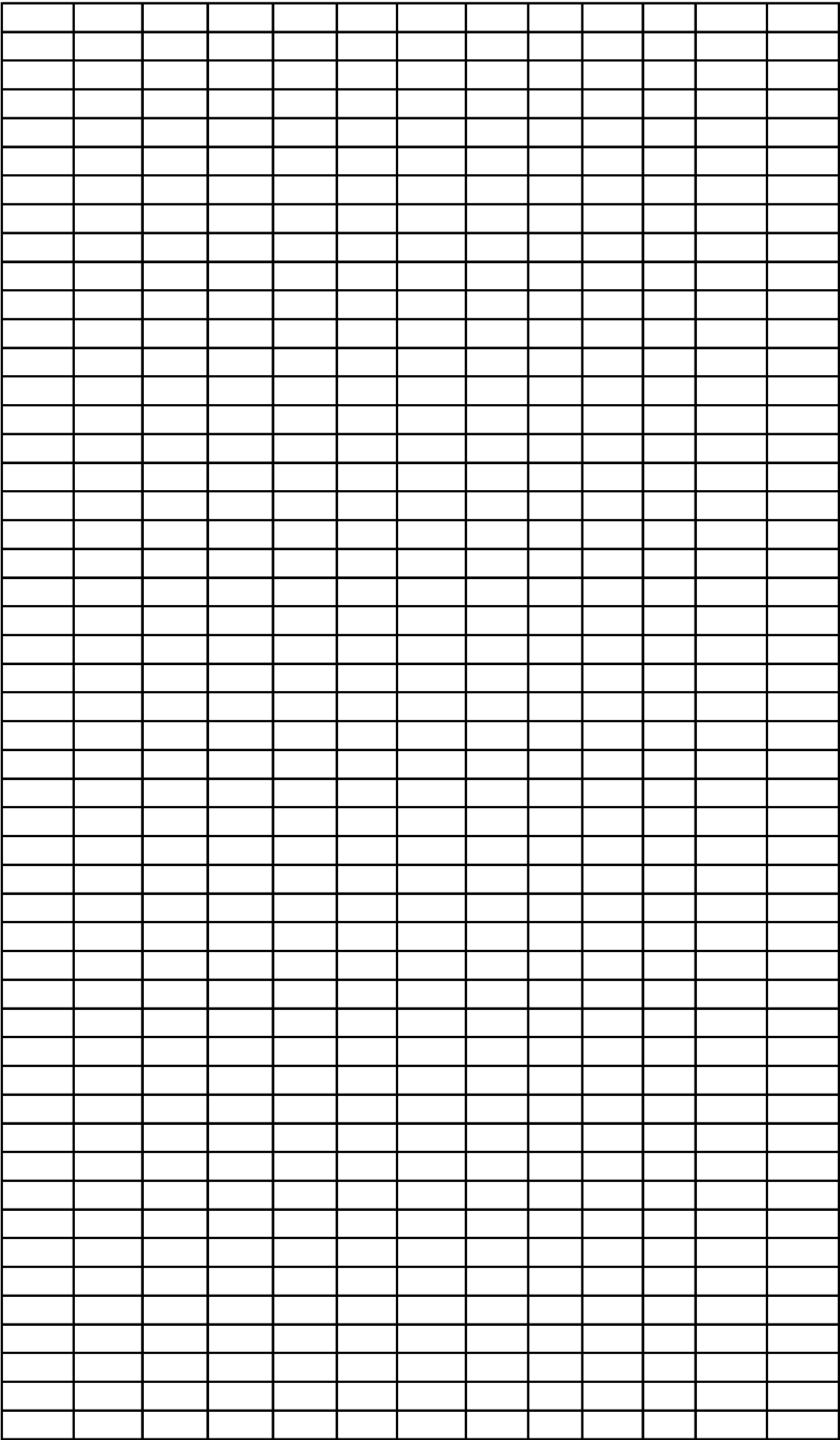
[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]



[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

TT	Tên xã	Năm	Tổng số hộ nghèo	Tổng số hộ nghèo DTTS	Tổng số học sinh thuộc hộ nghèo DTTS được hỗ trợ học cấp I	Tổng số học sinh thuộc hộ nghèo DTTS được hỗ trợ học cấp II	Tổng số học sinh thuộc hộ nghèo DTTS được hỗ trợ học cấp III	Tổng số học sinh thuộc hộ nghèo DTTS được hỗ trợ học sơ cấp
A	huyện Tuần Giáo							
1	Tuần Giáo	2010	4307	4305	2295	1792	508	331
2	Tuần Giáo	2011	5704	5665	2886	2142	739	22
3	Tuần Giáo	2012	5767	5731	3006	2483	768	19
4	Tuần Giáo	2013	6494	6494	3568	2924	893	43
5	Tuần Giáo	2014	6213	6207	3772	2969	1046	62
6	Tuần Giáo	2015	6129	6125	3885	2797	1040	93
7	Tuần Giáo	2016	6985	6985	4152	3324	1069	97
8	Tuần Giáo	2017	8446	8446	5094	4032	1267	117
9	Tuần Giáo	2018	8187	8187	5147	3941	1439	117
10	Tuần Giáo	2019	7846	7846	5196	3827	1542	117
11	Tuần Giáo	2020	7012	7012	4634	3291	1576	139
12	Tuần Giáo	2021	7481	7580	5539	6418	3703	512
	Tổng số		80571	80583	49174	39940	15590	1669
B	Chia theo từng xã							
	xã Quài Cang							
1	Quài Cang	2010	992	990	629	428	42	0
2	Quài Cang	2011	987	987	622	462	41	0
3	Quài Cang	2012	986	986	563	567	52	0
4	Quài Cang	2013	953	953	543	562	59	1
5	Quài Cang	2014	890	887	524	325	78	1
6	Quài Cang	2015	834	832	538	280	82	0
7	Quài Cang	2016	793	793	581	379	79	1
8	Quài Cang	2017	950	950	518	389	65	2
9	Quài Cang	2018	810	810	478	362	85	0
10	Quài Cang	2019	710	710	463	337	92	0
11	Quài Cang	2020	569	569	310	271	98	0
12	Quài Cang	2021	460	460	280	236	72	0
	Tổng số		9934	9927	6049	4598	845	5
	Xã Mường Mùn							

1	Xã Mường Mùn	2010	906	906	306	235		
2	Xã Mường Mùn	2011	850	850	315	246	78	0
3	Xã Mường Mùn	2012	806	806	320	327	79	0
4	Xã Mường Mùn	2013	704	704	299	383	80	0
5	Xã Mường Mùn	2014	465	465	203	360	76	0
6	Xã Mường Mùn	2015	439	439	240	282	88	0
7	Xã Mường Mùn	2016	671	671	287	399	91	1
8	Xã Mường Mùn	2017	650	650	290	436	96	1
9	Xã Mường Mùn	2018	605	605	340	450	82	1
10	Xã Mường Mùn	2019	555	555	398	450	85	2
11	Xã Mường Mùn	2020	498	498	225	233	89	1
12	Xã Mường Mùn	2021	437	437	215	230	112	2
	Tổng số		7586	7586	3438	4031	956	8
	xã Mường Thín							
1	Mường Thín	2010	310	310	105	258	210	16
2	Mường Thín	2011	303	303	108	250	207	15
3	Mường Thín	2012	290	290	255	253	189	9
4	Mường Thín	2013	256	256	158	264	185	27
5	Mường Thín	2014	229	229	153	274	233	30
6	Mường Thín	2015	218	218	124	263	172	48
7	Mường Thín	2016	337	337	201	286	180	56
8	Mường Thín	2017	304	304	188	307	194	65
9	Mường Thín	2018	290	290	170	325	205	58
10	Mường Thín	2019	245	245	169	342	228	51
11	Mường Thín	2020	222	222	160	358	223	65
12	Mường Thín	2021	349	348	182	3180	2226	440
	Tổng số		3353	3352	1973	3180	2226	440
	Xã Tênh Phong							
1	Xã Tênh Phong	2010	138	138	129	136	6	1
2	Xã Tênh Phong	2011	142	142	135	143	6	1
3	Xã Tênh Phong	2012	132	132	142	149	25	0
4	Xã Tênh Phong	2013	125	125	139	145	31	0
5	Xã Tênh Phong	2014	97	97	145	151	44	0
6	Xã Tênh Phong	2015	110	110	143	163	48	0
7	Xã Tênh Phong	2016	194	194	148	167	54	0
8	Xã Tênh Phong	2017	194	194	137	161	68	0
9	Xã Tênh Phong	2018	188	188	168	116	70	0
10	Xã Tênh Phong	2019	179	179	189	92	57	0
11	Xã Tênh Phong	2020	173	173	149	91	73	2
12	Xã Tênh Phong	2021	165	165	150	92	91	0
	Tổng số		1837	1837	1774	1606	573	4
	xã Mùn Chung							
1	Mùn Chung	2010	465	465	285	105	75	0

2	Mùn Chung	2011	652	652	352	225	75	0
3	Mùn Chung	2012	702	702	339	295	68	0
4	Mùn Chung	2013	532	532	313	145	74	0
5	Mùn Chung	2014	529	529	297	180	52	0
6	Mùn Chung	2015	529	529	309	175	45	0
7	Mùn Chung	2016	650	650	399	199	52	0
8	Mùn Chung	2017	670	670	347	255	68	0
9	Mùn Chung	2018	664	664	331	260	73	0
10	Mùn Chung	2019	636	636	312	229	95	0
11	Mùn Chung	2020	569	569	270	201	98	0
12	Mùn Chung	2021	811	811	498	193	120	0
	Tổng số		7409	7409	4052	2462	895	0
	Xã Tỏa Tình							
1	Xã Tỏa Tình	2010	175	175	164	125	78	312
2	Xã Tỏa Tình	2011	205	205	180	128	130	1
3	Xã Tỏa Tình	2012	210	210	190	125	118	2
4		2013					118	1
5		2014						
6		2015						
7		2016						
8	Xã Tỏa Tình	2017	256	256	137	85		
9	Xã Tỏa Tình	2018	260	260	151	90	49	1
10	Xã Tỏa Tình	2019	253	253	177	89	86	2
11	Xã Tỏa Tình	2020	252	252	169	81	96	3
12	Xã Tỏa Tình	2021	246	246	170	71	108	1
	Tổng số		1857	1857	1338	794	783	323
	Xã Chiềng Sinh							
1		2010						
2		2011						
3		2012						
4		2013						
5		2014						
6		2015						
7		2016						
8	Xã Chiềng Sinh	2017	744	744	386	260	98	4
9	Xã Chiềng Sinh	2018	646	646	294	233	119	4
10	Xã Chiềng Sinh	2019	613	613	259	219	135	0
11	Xã Chiềng Sinh	2020	471	471	172	160	139	0
12	Xã Chiềng Sinh	2021	753	753	468	140	145	0
	Tổng số		3227	3227	1579	1012	636	8
	xã Chiềng Đông							
1		2010						
2		2011						

3		2012						
4	Chiềng Đông	2013	653	653	290	262	59	0
5	Chiềng Đông	2014	590	587	315	225	68	0
6	Chiềng Đông	2015	534	532	320	280	81	0
7	Chiềng Đông	2016	493	493	332	279	79	0
8	Chiềng Đông	2017	550	550	350	289	65	0
9	Chiềng Đông	2018	510	510	335	242	85	0
10	Chiềng Đông	2019	510	510	337	237	82	1
11	Chiềng Đông	2020	469	469	315	231	78	2
12	Chiềng Đông	2021	360	460	335	244	72	2
	Tổng số		4669	4764	2929	2289	669	5
	Nà Sáy							
1	Nà Sáy	2010	321	321	90	110	35	1
2	Nà Sáy	2011	318	318	150	134	67	0
3	Nà Sáy	2012	347	347	148	135	78	2
4	Nà Sáy	2013	378	378	191	145	65	1
5	Nà Sáy	2014	327	327	187	145	45	0
6	Nà Sáy	2015	345	345	169	115	35	0
7	Nà Sáy	2016	307	307	154	125	25	2
8	Nà Sáy	2017	329	329	167	117	34	1
9	Nà Sáy	2018	343	343	135	145	48	3
10	Nà Sáy	2019	320	320	168	135	34	2
11	Nà Sáy	2020	303	303	119	126	43	2
12	Nà Sáy	2021	279	279	132	122	41	2
	Tổng số		3614	3614	1810	1556	550	16
	xã Pú Nhung							
1	xã Pú Nhung	2010						
2	xã Pú Nhung	2011						
3	xã Pú Nhung	2012						
4	xã Pú Nhung	2013						
5	xã Pú Nhung	2014						
6	xã Pú Nhung	2015						
7	xã Pú Nhung	2016						
8	xã Pú Nhung	2017	203	203	203	117	65	0
9	xã Pú Nhung	2018	231	231	231	135	74	0
10	xã Pú Nhung	2019	231	231	231	121	69	0
11	xã Pú Nhung	2020	234	234	234	109	64	0
12	xã Pú Nhung	2021	212	212	212	204	125	0
	Tổng số		1111	1111	1111	686	397	0
	xã Rạng Đông							
1	Rạng Đông	2010	372	372	240	109	17	0
2	Rạng Đông	2011	380	380	243	109	18	0
3	Rạng Đông	2012	461	461	255	175	20	0

4	Rạng Đông	2013	536	536	257	250	16	0
5	Rạng Đông	2014	419	419	267	112	30	0
6	Rạng Đông	2015	417	417	271	98	35	0
7	Rạng Đông	2016	515	515	264	205	30	0
8	Rạng Đông	2017	532	532	274	209	31	0
9	Rạng Đông	2018	592	592	315	216	33	0
10	Rạng Đông	2019	588	588	305	210	39	2
11	Rạng Đông	2020	572	572	293	188	40	3
12	Rạng Đông	2021	523	523	289	143	48	0
	Tổng số		5907	5907	3273	1915	357	5
	Xã Mường Khong							
1	Xã Mường Khong	2010	282	282	135	152	18	0
2	Xã Mường Khong	2011	297	297	220	164	19	0
3	Xã Mường Khong	2012	301	301	214	173	23	0
4	Xã Mường Khong	2013	276	276	195	179	29	0
5	Xã Mường Khong	2014	268	268	127	187	35	0
6	Xã Mường Khong	2015	387	387	213	193	41	0
7	Xã Mường Khong	2016	391	391	147	203	53	0
8	Xã Mường Khong	2017	375	375	297	187	51	0
9	Xã Mường Khong	2018	365	365	312	176	60	4
10	Xã Mường Khong	2019	356	356	321	173	63	6
11	Xã Mường Khong	2020	345	345	341	192	57	5
12	Xã Mường Khong	2021	310	310	291	207	54	3
	Tổng số		3298	3298	2181	1787	392	10
	Xã Pú Xi							
1		2010						
2		2011						
3		2012						
4	Xã Pú Xi	2013	450	450	410	175	45	0
5	Xã Pú Xi	2014	460	460	431	218	75	0
6	Xã Pú Xi	2015	450	450	420	235	86	0
7	Xã Pú Xi	2016	461	461	402	231	88	0
8	Xã Pú Xi	2017	508	508	443	240	98	0
9	Xã Pú Xi	2018	509	509	475	251	97	0
10	Xã Pú Xi	2019	541	541	454	262	99	0
11	Xã Pú Xi	2020	458	458	451	221	112	0
12	Xã Pú Xi	2021	542	542	530	263	132	0
	Tổng số		4379	4379	4016	2096	832	0
XIII	Xã Phình Sáng							
1	Phình Sáng	2010						
2	Phình Sáng	2011	1195	1156	335	132	64	3
3	Phình Sáng	2012	1146	1110	342	136	62	5
4	Phình Sáng	2013	1023	1023	357	148	61	4

5	Phình Sáng	2014	569	569	368	154	59	2
6	Phình Sáng	2015	540	540	380	159	62	9
7	Phình Sáng	2016	701	701	459	220	64	8
8	Phình Sáng	2017	637	637	552	278	61	5
9	Phình Sáng	2018	607	607	559	261	58	6
10	Phình Sáng	2019	568	568	549	249	62	7
11	Phình Sáng	2020	515	515	533	213	63	11
12	Phình Sáng	2021	778	778	895	476	69	15
	Tổng số		8279	8204	5329	2426	685	75
	Xã Ta Ma							
1	Xã Ta Ma	2010	346	346	212	134	27	1
2	Xã Ta Ma	2011	375	375	226	149	34	2
3	Xã Ta Ma	2012	386	386	238	148	54	1
4	Xã Ta Ma	2013	403	403	249	154	45	2
5	Xã Ta Ma	2014	400	400	255	145	56	0
6	Xã Ta Ma	2015	397	397	261	136	54	0
7	Xã Ta Ma	2016	400	400	254	146	57	0
8	Xã Ta Ma	2017	418	418	265	153	56	1
9	Xã Ta Ma	2018	394	394	238	156	59	0
10	Xã Ta Ma	2019	407	407	239	168	61	1
11	Xã Ta Ma	2020	410	410	245	165	62	0
12	Xã Ta Ma	2021	420	420	256	164	64	1
	Tổng số		4756	4756	2938	1818	629	9
xã Nà Tòng								
4	Xã Nà Tòng	2013	205	205	167	112	26	7
5	Xã Nà Tòng	2014	198	198	157	106	32	8
6	Xã Nà Tòng	2015	212	212	164	114	38	12
7	Xã Nà Tòng	2016	215	215	167	123	35	9
8	Xã Nà Tòng	2017	241	241	172	194	37	11
9	Xã Nà Tòng	2018	242	242	176	129	48	12
10	Xã Nà Tòng	2019	244	244	184	142	51	10
11	Xã Nà Tòng	2020	234	234	169	132	54	18
12	Xã Nà Tòng	2021	205	205	172	134	51	17
	Tổng số		1996	1996	1528	1186	372	104
	Xã Quài Tở							
1		2010						
2		2011						
3		2012						
4		2013						
5	Xã Quài Tở	2014	289	289	123	124	74	12

6	Xã Quài Tở	2015	294	294	112	102	82	14
7	Xã Quài Tở	2016	387	387	143	106	84	12
8	Xã Quài Tở	2017	435	435	165	108	78	16
9	Xã Quài Tở	2018	492	492	248	146	86	16
10	Xã Quài Tở	2019	463	463	254	132	81	17
11	Xã Quài Tở	2020	380	380	312	148	90	18
12	Xã Quài Tở	2021	302	302	298	156	87	19
	Tổng số		3042	3042	1655	1022	662	124
	Xã Quài Nưa							
5	Xã Quài Nưa	2014	483	483	220	263	89	9
6	Xã Quài Nưa	2015	423	423	221	202	91	10
7	Xã Quài Nưa	2016	470	470	214	256	98	8
8	Xã Quài Nưa	2017	450	450	203	247	102	11
9	Xã Quài Nưa	2018	439	439	191	248	108	12
10	Xã Quài Nưa	2019	427	427	187	240	123	16
11	Xã Quài Nưa	2020	338	338	167	171	97	9
12	Xã Quài Nưa	2021	329	329	166	163	86	10
	Tổng số		3359	3359	1569	1790	794	85

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU HỌC SINH DTTS THUỘC CÁC XÃ KHU VỰC III TỪ N
(Biểu kèm theo Báo cáo số...../UBND - BC ngày/3/2022 của Ủy ban nhân dân i

Tổng số học sinh thuộc hộ nghèo DTTS được hỗ trợ học trung cấp	Tổng số học sinh thuộc hộ nghèo DTTS được hỗ trợ học cao đẳng	Tổng số học sinh thuộc hộ nghèo DTTS được hỗ trợ học đại học	Tổng số HS DTTS thuộc hộ nghèo không được hỗ trợ học cấp I khi ra khỏi danh sách các xã khu vực III	Tổng số HS DTTS thuộc hộ nghèo không được hỗ trợ học cấp II khi ra khỏi danh sách các xã khu vực III	Tổng số HS DTTS thuộc hộ nghèo không được hỗ trợ học cấp III khi ra khỏi danh sách các xã khu vực III	Tổng số HS DTTS thuộc hộ nghèo không được hỗ trợ học sơ cấp khi ra khỏi danh sách các xã khu vực III	Tổng số HS DTTS thuộc hộ nghèo không được hỗ trợ học trung cấp khi ra khỏi danh sách các xã khu vực III
17	9	6	8	6	4	0	0
21	14	7	9	11	4	2	0
16	22	11	9	6	6	1	2
33	30	21	0	2	1	2	2
52	50	33	2	6	8	4	1
63	46	36	3	8	3	4	2
57	55	38	7	3	6	2	5
73	75	55	9	10	7	1	2
87	75	57	13	9	9	2	2
77	83	65	13	13	8	5	4
104	91	70	12	9	8	1	4
110	118	76	27	3	7	1	0
710	668	475	112	86	71	25	24
0	0	0	0	0	0	0	0
1	1	0	0	0	0	0	0
1	0	1	0	0	0	0	0
0	2	3	0	0	0	0	0
1	4	5	0	0	0	0	0
2	3	6	0	0	0	0	0
0	4	6	0	0	0	0	0
0	2	8	0	0	0	0	0
1	1	10	0	0	0	0	0
1	3	11	0	0	0	0	0
0	2	8	0	0	0	0	0
0	2	5	0	0	0	0	0
7	24	63	0	0	0	0	0

1	1	1	0	0	0	0	0
0	1	1	0	0	0	0	0
0	2	3	0	0	0	0	0
0	1	5	0	0	0	0	0
2	2	5	0	0	0	0	0
1	2	7	0	0	0	0	0
2	5	7	0	0	0	0	0
1	5	8	0	0	0	0	0
2	7	11	0	0	0	0	0
2	7	10	0	0	0	0	0
2	8	9	0	0	0	0	0
13	41	67	0	0	0	0	0
2	0	1	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
1	0	2	0	0	0	0	0
2	0	1	0	0	0	0	0
0	3	3	0	0	0	0	0
0	2	4	2	0	0	0	0
0	3	3	4	0	0	0	0
0	4	2	1	0	0	0	0
0	0	0	5	0	0	0	0
0	1	1	3	0	0	0	0
0	0	1	3	0	0	0	0
5	13	18	18	0	0	0	0
5	13	18	18	0	0	0	0
4	0	0	0	0	0	0	0
4	0	0	0	0	0	0	0
0	1	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	1	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	2	0	0	0	0	0	0
0	1	0	0	0	0	0	0
4	0	6	0	0	0	0	0
2	1	3	0	0	0	0	0
14	6	9	0	0	0	0	0
3	1	0	0	0	0	0	0

2	1	0	0	0	0	0	0
2	2	0	0	0	0	0	0
7	3	1	0	0	0	0	0
10	3	1	0	0	0	0	0
0	1	0	0	0	0	0	0
0		0	0	0	0	0	0
2	1	6	0	0	0	0	0
3	0	9	0	0	0	0	0
1	1	4	0	0	0	0	0
0	0	3	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
30	13	24	0	0	0	0	0
1	2	1	8	6	4	0	0
1	2	1	9	6	3	0	0
1	3	1	9	6	3	0	0
1	3	2					
			7	4	1	0	0
1	2	1	7	4	2	0	0
2	2	2	9	4	3	0	0
4	1	1	8	4	3	0	0
2	2	1	8	3	4	0	0
13	17	10	65	37	23	0	0
9	11	3	0	0	0	0	0
12	12	4	0	0	0	0	0
5	11	6	0	0	0	0	0
7	12	5	0	0	0	0	0
5	16	3	0	0	0	0	0
38	62	21	0	0	0	0	0

0	2	3	0	0	0	0	0
1	4	3	1	2	2	1	0
2	3	7	0	2	1	0	0
0	4	5	2	0	0	0	1
0	2	5	0	1	1	0	0
1	1	3	1	0	1	0	0
1	3	5	0	3	1	0	0
0	2	2	1	1	0	0	0
0	2	5	0	0	0	0	0
5	23	38	5	9	6	1	1
1	1	0	0	0	0	0	0
1	1	0	0	0	0	0	0
1	1	1	0	0	0	0	0
1	0	0	0	0	0	0	0
1	0	0	0	0	0	0	0
2	1	1	0	0	0	0	0
3	2	0	0	0	0	0	0
0	1	1	0	0	0	0	0
0	1	0	0	0	0	0	0
1	1	1	0	0	0	0	0
2	1	1	0	0	0	0	0
3	3	3	0	0	0	0	0
16	13	10	0	0	0	0	0
2	2	3	0	0	0	0	0
1	4	1	0	0	1	0	0
2	5	1	0	1	0	1	0
2	5	2	0	0	1	1	0
2	10	2	0	0	0	0	0
9	26	9	0	1	2	2	0
2	2	2	0	0	0	0	0
3	4	3	0	0	0	0	0
4	5	2	0	0	0	0	0

5	5	3	0	0	0	0	0
5	3	2	0	0	0	0	0
6	4	3	0	0	0	0	0
7	7	2	0	0	0	0	0
6	8	4	0	0	0	0	0
12	10	6	0	0	0	0	0
15	13	4	0	0	0	0	0
21	20	7	0	0	0	0	0
20	18	5	0	0	0	0	0
106	99	43	0	0	0	0	0
2	1	1	0	0	0	0	0
2	0	0	0	2	1	1	0
3	1	0	0	0	0	0	1
3	2	0	0	1	0	0	0
4	3	0	0	0	1	1	0
5	2	1	0	2	0	0	1
3	3	1	0	0	0	0	0
2	4	1	0	3	2	0	2
1	3	0	0	1	1	1	0
0	2	2	0	2	0	0	1
0	5	3	0	1	0	0	0
0	1	3	0	0	1	0	0
25	21	6	0	11	5	3	5
1	1	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	1	1	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
2	0	0	0	0	0	0	0
3	0	0	0	0	0	0	0
3	2	1	0	0	0	0	0
5	2	2	0	0	0	0	0
6	3	3	0	0	0	0	0
20	9	7	0	0	0	0	0
5	3	2	0	2	0	0	0
3	6	2	0	0	2	1	1
5	4	3	0	0	1	0	0

2	4	1	0	1	0	0	0
8	3	0	0	0	1	2	0
5	5	1	0	0	0	1	1
8	4	2	0	1	1	0	0
9	7	1	0	0	0	0	0
8	5	0	0	1	1	1	1
15	4	3	0	0	0	0	0
19	6	3	0	0	0	0	0
87	51	18	0	5	6	5	3
2	2	1	0	0	0	0	0
1	1	0	0	1	0	1	0
0	2	1	0	0	1	0	0
2	1	0	0	1	0	0	2
1	2	1	0	0	0	1	0
2	0	0	0	0	0	0	1
3	0	0	0	0	0	0	0
0	2	2	0	1	1	0	0
2	1	0	0	0	0	0	1
2	1	2	0	0	0	1	0
2	1	2	0	1	0	0	1
1	1	1	0	0	0	0	0
18	14	10	0	4	2	3	5
6	5	2	0	0	0	2	0
8	4	3	0	2	2	0	1
9	6	2	0	0	0	1	0
7	7	4	1	1	1	0	1
8	8	3	0	0	0	1	0
6	6	3	0	2	1	0	0
8	5	2	0	0	0	1	0
10	4	3	0	1	1	0	1
8	3	2	0	0	0	1	0
70	48	24	1	6	5	6	3
12	9	6	0	0	1	0	0

16	11	4	1	2	0	1	0
18	10	5	0	1	2	0	1
20	12	6	1	0	0	0	0
19	9	8	0	1	2	1	1
17	13	7	0	0	1	0	0
19	15	5	0	0	0	0	1
23	17	6	0	0	1	0	0
144	96	47	2	4	7	2	3
7	9	3	1	1	2	1	0
9	7	2	0	2	1	0	0
10	8	4	0	1	3	1	1
12	9	2	0	0	1	0	0
15	11	3	0	1	1	0	0
9	7	5	1	2	2	1	2
11	10	6	0	1	3	0	1
12	12	4	1	0	1	0	0
85	73	29	3	8	14	3	4

lÃM 2010 - 2021

huyện Tuần Giáo)

Tổng số HS DTTS thuộc hộ nghèo không được hỗ trợ học cao đẳng khi ra khỏi danh sách các xã khu vực III	Tổng số HS DTTS thuộc hộ nghèo không được hỗ trợ học đại học khi ra khỏi danh sách các xã khu vực III	Tổng số HS DTTS bỏ học cấp I khi ra khỏi danh sách các xã khu vực III	Tổng số HS DTTS bỏ học cấp II khi ra khỏi danh sách các xã khu vực III	Tổng số HS DTTS bỏ học cấp III khi ra khỏi danh sách các xã khu vực III	Tổng số HS DTTS bỏ học sơ cấp khi ra khỏi danh sách các xã khu vực III	Tổng số HS DTTS bỏ học trung cấp khi ra khỏi danh sách các xã khu vực III	Tổng số HS DTTS bỏ học cao đẳngI khi ra khỏi danh sách các xã khu vực III
0	0	0	8	20	0	0	0
1	0	0	8	17	0	0	1
1	2	0	13	14	3	3	1
1	0	0	16	38	2	4	3
0	3	1	16	41	2	3	0
3	1	0	20	40	4	4	3
5	3	0	18	36	6	7	4
1	1	1	20	47	2	3	1
2	1	0	24	40	3	6	3
4	0	0	24	53	6	3	5
1	1	0	20	45	4	4	2
0	0	0	16	35	2	0	0
19	12	2	203	426	34	37	23
0	0	0	1	2	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	1	0	0	0	0
0	0	0	2	3	0	0	0
0	0	0	1	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	1	0	0	0
0	0	0	0	2	0	0	0
0	0	0	0	1	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	5	9	0	0	0

[illegible]

0	0	0	1	1	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	1
0	0	0	1	3	1	0	0
0	0	0	0	2	0	1	0
0	0	0	2	3	0	0	0
0	0	0	0	4	1	0	2
0	0	0	2	4	0	1	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	2	2	0	0	0
0	0	0	0	2	0	0	0
0	0	0	1	1	0	0	0
0	0	0	9	24	2	2	3
0	0	0	0		0	0	0
0	0	0	0		0	0	0
0	0	0	0		0	0	0
0	0	0	0		0	0	0
0	0	0	0		0	0	0
0	0	0	0		0	0	0
0	0	0	0		0	0	0
0	0	0	0		0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	8	0	0	0
0	0	0	1	5	1	0	0
0	0	0	2	13	0	1	0
0	0	0	1	9	0	1	1
0	0	0	1	8	0	0	0
0	0	0	5	43	1	2	1

0	0	0	2	8	0	0	0
0	0	0	1	9	0	2	0
0	0	0	2	4	0	0	0
0	1	0	0	6	1	1	1
1	0	0	1	2	0	0	0
0	0	0	1	1	0	1	1
1	0	0	0	3	1	0	1
0	0	0	2	2	0	1	0
0	0	0	0	2	0	0	0
2	1	0	9	37	2	5	3
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	2	3	0	0	0
0	0	0	1	5	0	0	0
0	0	0	0	6	0	1	0
0	0	0	1	7	1	0	0
0	0	0	1	6	0	0	0
0	0	0	5	27	1	1	0
0	0	0	1	1	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	3	0	0	0	0

0	0	0	2	0	0	0	0
0	0	0	3	0	0	0	0
0	0	0	3	0	0	0	0
0	0	0	3	0	0	0	0
0	0	0	3	0	0	0	0
0	0	0	2	0	0	0	0
0	0	0	3	0	0	0	0
0	0	0	2	0	0	0	0
0	0	0	2	0	0	0	0
0	0	0	2	0	0	0	0
0	0	0	27	1	0	0	0
0	0	0	5	12	0	0	0
0	0	0	4	13	0	0	1
0	1	0	6	11	1	2	0
1	0	0	5	15	0	3	1
0	0	0	6	17	2	0	0
0	1	0	7	15	0	0	0
2	0	0	7	16	0	3	1
0	1	0	6	16	1	0	0
0	0	0	9	14	0	3	0
0	0	0	7	19	1	0	1
0	0	0	9	15	0	1	0
0	0	0	5	12	2	0	0
3	3	0	62	148	5	11	4
0	0	0	0	2	0	0	0
0	0	1	3	3	0	0	0
0	0	0	2	2	0	0	0
0	0	0	2	1	2	1	0
0	0	1	2	2	0	0	0
0	0	0	4	3	2	0	1
0	0	0	5	2	0	0	0
0	0	0	1	3	1	0	0
0	0	0	2	1	0	0	0
0	0	2	2	19	5	1	1
0	0	0	2	2	0	0	0
1	0	0	1	1	0	0	0
0	0	0	2	1	1	0	0

0	1	0	0	2	0	0	0
1	0	0	1	0	0	0	1
0	0	0	2	2	0	1	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	1	1	0	0	1
1	0	0	1	1	1	0	0
0	0	0	0	0	0	1	0
0	0	0	0	1	0	0	0
3	1	0	10	11	2	2	0
0	0	0	0	0	0	0	0
1	0	0	1	0	0	0	0
0	1	0	2	2	1	0	0
0	0	0	0	0	0	1	1
0	1	0	1	1	0	0	0
0	0	0	0	3	1	0	0
1	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	1	1	0	1	0
0	1	0	2	0	0	0	0
1	0	0	0	1	0	0	1
0	0	0	1	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
3	3	0	8	8	2	2	2
0	0	0	0	2	0	0	0
0	1	0	1	1	0	0	0
1	0	0	0	3	1	1	1
0	0	0	2	2	0	0	0
0	0	0	1	3	1	0	0
0	0	0	0	2	0	1	0
1	0	0	2	1	0	0	0
0	0	0	1	3	0	0	0
0	0	0	0	1	0	0	0
2	1	0	7	18	2	2	1
0	0	0	0	1	0	0	0

1	0	0	1	2	0	0	1
1	1	0	0	1	1	1	0
0	0	0	0	1	0	1	1
1	0	0	2	2	0	0	0
0	0	0	0	3	1	1	1
0	0	0	1	2	0	0	0
0	0	0	0	1	0	0	0
3	1	0	4	13	2	3	3
0	0	0	0	2	0	0	0
0	0	0	1	3	1	0	0
1	1	0	2	1	0	0	0
0	0	0	1	2	0	0	0
1	0	0	1	3	0	0	0
0	0	0	2	2	1	0	0
1	1	0	1	1	0	0	0
0	0	0	1	2	0	0	0
3	2	0	9	16	2	0	0

0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	

0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	
1	
0	
0	
0	

0	
0	
1	
0	
0	
0	
1	
0	
0	
0	
0	
0	
2	0

0	
---	--

0	
1	
0	
0	
1	
0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	
2	0
0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	0

0	
1	
0	
0	
0	
0	
1	

0	
0	
1	
0	
0	
0	
1	
0	
0	
2	

0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	

0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	

0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	

0	
0	
1	
0	
0	
1	
0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	
2	

0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	

0	
1	
0	

0	
0	
0	
1	
0	
0	
1	
0	
3	

0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	
0	
1	
0	
0	
0	
1	

0	
0	
0	
1	
0	
0	
0	
0	
0	
1	

0	

1	
0	
0	
0	
1	
0	
0	
2	

0	
0	
0	
0	
0	
1	
0	
0	
1	